

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
ĐỢT 1 NĂM 2022

**DANH SÁCH SỐ BÁO DANH VÀ PHÒNG THI VIẾT
KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1/2022
KHU VỰC PHÍA NAM**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 19/TB-HĐKT ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng kiểm tra
kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1/2022)

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 1 (Tên phòng A.1.1) - Từ SBD 001 đến 050					
Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
001	Nguyễn Trung	Á	11/06/1973	TP. HCM	
002	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Ái	30/09/1996	TP. HCM	
003	Nguyễn Như	Ái	20/01/1995	TP. HCM	
004	Đặng Thị Thúy	Ái	06/11/1993	TP. HCM	
005	Lê Hoàng Phúc	An	01/05/1995	Bình Phước	
006	Phan Nhật	An	16/02/1994	Bình Phước	
007	Nguyễn Thùy	An	04/08/1996	TP. HCM	
008	Nguyễn Trúc	Anh	19/07/1995	Bình Phước	
009	Nguyễn Hoàng	Anh	04/09/1989	Cà Mau	
010	Trần Hoàng	Anh	18/09/1984	Đắk Nông	
011	Phạm Văn Triều	Anh	19/11/1977	Kiên Giang	
012	Đỗ Quốc	Anh	13/08/1997	Lâm Đồng	
013	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	28/11/1996	Đà Nẵng	
014	Nguyễn Vân	Anh	22/01/1997	Đà Nẵng	
015	Nguyễn Thị Huyền	Anh	22/08/1992	TP. HCM	
016	Phạm Vân	Anh	27/01/1995	TP. HCM	
017	Đỗ Phương	Anh	11/09/1996	TP. HCM	
018	Nguyễn Hoàng	Anh	05/08/1995	TP. HCM	
019	Võ Xuân	Anh	03/04/1974	Cần Thơ	
020	Khoa Hồng	Anh	04/02/1995	Đồng Nai	
021	Nguyễn Đức	Anh	01/02/1989	Tp.HCM	
022	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	28/08/1990	TP. HCM	
023	Lê Tuấn	Anh	28/04/1995	TP. HCM	

16/2

024	Hà Thị Vân	Anh	01/05/1985	TP. HCM	
025	Huỳnh Thị Trâm	Anh	20/01/1982	TP. HCM	
026	Vũ Nguyên Bảo	Anh	01/07/1994	TP. HCM	
027	Nguyễn Thị Lan	Anh	27/07/1995	TP. HCM	
028	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	14/03/1992	TP. HCM	
029	Lê Thị Trung	Anh	15/04/1995	TP. HCM	
030	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/08/1990	TP. HCM	
031	Lý Huỳnh Kiều	Anh	14/01/1994	TP. HCM	
032	Nguyễn Quốc	Anh	03/10/1966	TP. HCM	
033	Nguyễn Thanh Lan	Anh	20/02/1972	TP. HCM	
034	Nguyễn Ngô Thục	Anh	11/04/1994	TP. HCM	
035	Lê Thị Kim	Anh	02/05/1994	TP. HCM	
036	Phạm Phương	Anh	09/03/1993	TP. HCM	
037	Hoàng Ngọc	Anh	13/06/1996	TP. HCM	
038	Bùi Việt	Anh	15/07/1993	TP. HCM	
039	Nguyễn Hoàng	Anh	20/09/1995	TP. HCM	
040	Nguyễn Thị Kim	Ân	07/07/1990	Đồng Nai	
041	Nguyễn Hoàng Song	Ân	30/04/1996	TP. HCM	
042	Lê Bảo	Ân	20/09/1993	Đà Nẵng	
043	Trần Văn	Ân	23/09/1992	Cà Mau	
044	Vũ Văn	Ba	28/08/1988	Bình Dương	
045	Trương Văn	Bảo	20/11/1976	Đồng Nai	
046	Nguyễn Quốc	Bảo	27/12/1995	TP. HCM	
047	Cao Hoàng	Bảo	15/09/1991	Tp.HCM	
048	Đỗ Nguyễn Thị Hoài	Bảo	02/12/1996	Đồng Nai	
049	Lê Duy	Bảy	12/07/1977	Khánh Hòa	
050	Trần Văn	Bắc	05/12/1991	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 2 (Tên phòng A.1.3) - Từ SBD 051 đến 100

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
051	Nguyễn Thị Tuyết	Bằng	14/04/1995	TP. HCM	
052	Bạch Sỹ	Bằng	19/02/1994	Sóc Trăng	
053	Nguyễn Văn	Bằng	13/03/1976	Cần Thơ	

492

AT
ĐỊ D
LUẬT
DÀN

054	Mai Văn	Bé	01/01/1988	Bạc Liêu	
055	Ngô Thị	Bé	06/05/1996	TP. HCM	
056	Ngụy Thị	Bích	30/09/1995	TP. HCM	
057	Lê Văn	Biên	25/02/1981	Vĩnh Long	
058	Đinh Thị Ngọc	Biết	27/08/1993	TP. HCM	
059	Bùi Thị Thanh	Bình	14/12/1995	TP. HCM	
060	Dương Ngọc Thái	Bình	23/08/1986	TP. HCM	
061	Trần Phú	Bình	18/03/1995	TP. HCM	
062	Trần Thanh	Bình	31/12/1995	TP. HCM	
063	Phan Lâm	Bình	26/05/1988	TP. HCM	
064	Nguyễn Thanh	Bình	04/03/1987	Tp.HCM	
065	Nguyễn Thanh	Bình	04/09/1976	Tp.HCM	
066	Nguyễn Thị	Bình	12/10/1991	Tp.HCM	
067	Nguyễn Thanh	Bình	19/02/1986	An Giang	
068	Nguyễn Thị	Bình	05/10/1996	Đồng Nai	
069	Phạm Quốc	Bình	19/06/1988	TP. HCM	
070	Nguyễn Thanh	Bình	28/03/1991	TP. HCM	
071	Mã Văn	Bình	04/10/1985	TP. HCM	
072	Nguyễn Thị Thanh	Bình	11/06/1975	TP. HCM	
073	Trần Bá	Bình	03/09/1996	TP. HCM	
074	Phạm Quang Hòa	Bình	23/03/1983	TP. HCM	
075	Đặng Thị Như	Bình	05/11/1990	Tp.HCM	
076	Nguyễn Ngọc	Bộ	15/12/1981	Quảng Ngãi	
077	Ninh Đức	Bôn	16/03/1969	Tp.HCM	
078	Nguyễn Thị Mai	Ca	10/08/1995	TP. HCM	
079	Lê Kiều Phương	Các	28/04/1995	TP. HCM	
080	Lê Văn	Cảm	26/07/1960	Long An	
081	Nguyễn Văn	Cảm	26/04/1969	TP. HCM	
082	Đào Thị	Cảnh	18/11/1979	Đồng Nai	
083	Đỗ Văn	Cảnh	05/08/1979	Tp.HCM	
084	Phạm Thanh	Cao	25/04/1996	TP. HCM	
085	Nguyễn Thị Mộng	Cầm	02/02/1993	TP. HCM	

086	Nguyễn Thị Hồng	Cầm	28/04/1997	Đồng Nai	
087	Nguyễn Thị Hồng	Cầm	27/08/1994	TP. HCM	
088	Phạm Văn	Công	03/03/1994	Đắk Lắk	
089	Đoàn Xuân	Công	10/08/1969	Tp.HCM	
090	Hồ Ngọc	Công	16/10/1991	TP. HCM	
091	Huỳnh Chí	Công	25/06/1989	TP. HCM	
092	Hồ Hải	Cơ	26/06/1995	TP. HCM	
093	Lưu Thị Hoàng	Cúc	11/11/1995	TP. HCM	
094	Lê Thị Kim	Cương	18/02/1993	TP. HCM	
095	Trần Mạnh	Cường	14/10/1989	TP. HCM	
096	Lục Quốc	Cường	06/10/1991	TP. HCM	
097	Trần Quốc	Cường	11/09/1956	Cà Mau	
098	Phạm Doãn	Cường	09/03/1993	Tp.HCM	
099	Lữ Minh	Cường	21/07/1972	Tp.HCM	
100	Nguyễn Thanh Mạnh	Cường	30/09/1994	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 3 (Tên phòng A.2.2) - Từ SBD 101 đến 136

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
101	Trần Minh Quốc	Cường	25/07/1983	TP. HCM	
102	Phùng Khắc	Cường	02/09/1959	TP. HCM	
103	Phan Thị	Châu	11/01/1961	Đồng Nai	
104	Đào Bảo	Châu	07/11/1983	Đồng Nai	
105	Huỳnh Ngọc	Châu	30/08/1997	TP. HCM	
106	Nguyễn Thị Thảo	Châu	12/09/1980	Tp.HCM	
107	Nguyễn Thị Minh	Châu	20/07/1976	TP. HCM	
108	Nguyễn Lâm Bảo	Châu	20/10/1991	TP. HCM	
109	Nguyễn Thị Hải	Châu	22/09/1996	TP. HCM	
110	Trương Nguyễn Hà	Chi	04/12/1990	BR - VT	
111	Hoàng Trần Phương	Chi	10/06/1995	TP. HCM	
112	Thái Thị Quỳnh	Chi	26/01/1986	TP. HCM	
113	Dương Thị Huỳnh	Chi	10/06/1996	TP. HCM	
114	La Thị Kim	Chi	07/07/1996	TP. HCM	
115	Trần Thị Phương	Chi	07/11/1992	TP. HCM	

4/2

116	Huỳnh Thị Thanh	Chi	01/08/1995	TP. HCM	
117	Bùi Văn	Chi	12/01/1972	TP. HCM	
118	Mai Thị Cẩm	Chi	29/06/1981	TP. HCM	
119	Vũ Xuân	Chiến	27/08/1983	TP. HCM	
120	Đoàn Minh	Chiến	05/11/1978	Tp.Hà Nội	
121	Đặng Kim	Chinh	18/05/1978	Đồng Nai	
122	Lê Thị Kiều	Chinh	01/10/1993	TP. HCM	
123	Đặng Trường	Chinh	01/01/1974	Long An	
124	Hà Thị Ngọc	Chinh	03/04/1995	TP. HCM	
125	Lê Thục	Chinh	30/03/1996	TP. HCM	
126	Lê Văn	Chính	16/11/1989	TP. HCM	
127	Nguyễn Thị Bích	Chung	03/10/1989	Tây Ninh	
128	Đỗ Văn	Chung	30/03/1991	TP. HCM	
129	Đào Ngọc	Chương	24/10/1977	Đắk Lắk	
130	Trần Thị Cha Ra	Da	05/01/1994	Cần Thơ	
131	Huỳnh Công	Danh	16/08/1992	TP. HCM	
132	Phạm Tiến	Danh	09/01/1992	TP. HCM	
133	Nguyễn	Dần	25/06/1986	Tp.HCM	
134	Bùi Thanh Triều	Dâng	09/10/1996	TP. HCM	
135	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	20/12/1995	Bình Dương	
136	Đoàn Thị Quỳnh	Diễm	19/09/1996	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 4 (Tên phòng A.2.4) - Từ SBD 137 đến 172

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
137	Ngô Thị Quỳnh	Diễm	02/08/1996	TP. HCM	
138	Phan Thị Thuý	Diễm	18/03/1996	TP. HCM	
139	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	29/10/1992	TP. HCM	
140	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	13/01/1996	TP. HCM	
141	Nguyễn Hữu	Diện	15/09/1952	Đồng Nai	
142	Trần Thị Ngọc	Diệp	10/03/1992	Đồng Nai	
143	Hồ Thúy	Diệu	27/07/1995	Bình Dương	
144	Đỗ Như Thảo	Diệu	14/07/1995	Đồng Nai	

Ug2

145	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	28/03/1996	TP. HCM	
146	Phan Văn	Dô	08/10/1995	TP. HCM	
147	Cao Nguyễn An Thiên	Du	23/01/1988	Đồng Nai	
148	Hoàng Ngọc	Dũ	01/01/1994	TP. HCM	
149	Nguyễn Thị Bích	Dung	31/01/1995	Gia Lai	
150	Lâm Thị Ngọc	Dung	14/08/1976	Kiên Giang	
151	Nguyễn Thị Kim	Dung	02/03/1996	Đà Nẵng	
152	Hoàng Nguyễn Phương	Dung	29/07/1996	TP. HCM	
153	Lê Thị Phương	Dung	30/11/1995	TP. HCM	
154	Cao Thụy Thùy	Dung	19/11/1986	TP. HCM	
155	Võ Thị Thùy	Dung	22/09/1994	TP. HCM	
156	Phạm Nguyễn Thảo	Dung	02/10/1993	TP. HCM	
157	Lưu Thùy	Dung	04/09/1993	TP. HCM	
158	Bùi Hoàng Thùy	Dung	22/11/1991	TP. HCM	
159	Lê Thị Mỹ	Dung	01/10/1995	TP. HCM	
160	Chu Thị	Dung	08/11/1992	TP. HCM	
161	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	23/01/1989	TP. HCM	
162	Trần Thị Kim	Dung	20/10/1995	TP. HCM	
163	Hoàng Văn	Dùng	22/05/1989	TP. HCM	
164	Huỳnh Chí	Dũng	29/04/1977	Bình Dương	
165	Phan Tiến	Dũng	14/05/1981	Tây Ninh	
166	Trần Quốc	Dũng	26/03/1971	TP. HCM	
167	Đoàn Võ Thanh	Dũng	30/01/1979	TP. HCM	
168	Hồ Thanh	Dũng	20/04/1971	TP. HCM	
169	Lữ Phúc Huy	Dũng	07/05/1978	TP. HCM	
170	Lê Kinh	Dũng	20/10/1991	TP. HCM	
171	Phạm Kiến Quốc	Dũng	10/01/1979	TP. HCM	
172	Phạm Hữu	Dũng	19/06/1995	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 5 (Tên phòng A.2.6) - Từ SBD 173 đến 208

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
173	Thái Anh	Dũng	13/10/1979	TP. HCM	
174	Hà Xuân	Dũng	12/03/1989	TP. HCM	
175	Nguyễn Tấn	Dũng	12/02/1986	TP. HCM	
176	Lê Văn	Dũng	16/06/1976	Đắk Lắk	

177	Phan Anh	Dũng	12/04/1982	Tiền Giang	
178	Nguyễn Thị Anh	Dũng	23/11/1979	Tp.HCM	
179	Lê Minh Bảo	Dũng	30/04/1994	Tp.HCM	
180	Võ Quang	Dũng	12/01/1959	Tp.HCM	
181	Đặng Văn	Dũng	18/03/1995	TP. HCM	
182	Hoàng Vĩnh	Dũng	01/05/1993	TP. HCM	
183	Mai Anh	Dũng	17/12/1979	TP. HCM	
184	Phạm Xuân	Duy	10/10/1995	TP. HCM	
185	Phạm Hoàng	Duy	02/05/1981	An Giang	
186	Nguyễn Ngọc	Duy	30/08/1987	Cần Thơ	
187	Đỗ Thành	Duy	08/03/1977	Đăk-Lăk	
188	Nguyễn	Duy	29/04/1982	Đồng Tháp	
189	Lê Thanh	Duy	24/02/1996	TP. HCM	
190	Nguyễn Sơn	Duy	10/11/1996	TP. HCM	
191	Trần Quang	Duy	30/02/1981	TP. HCM	
192	Nguyễn Hoàng Quốc	Duy	16/10/1981	TP. HCM	
193	Trần Đình	Duy	12/12/1994	TP. HCM	
194	Bùi Thị	Duyên	03/05/1994	Tp.HCM	
195	Phạm Lê Phương	Duyên	08/04/1993	TP. HCM	
196	Trần Thị Phương	Duyên	15/09/1980	TP. HCM	
197	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	10/06/1993	TP. HCM	
198	Huỳnh Ngọc Mỹ	Duyên	24/09/1992	TP. HCM	
199	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	19/06/1996	TP. HCM	
200	Hoàng Văn	Duyệt	07/01/1989	TP. HCM	
201	Ngô Ngọc Bình	Dương	19/06/1995	Bình Phước	
202	Huỳnh Thị Thuý	Dương	02/12/1996	TP. HCM	
203	Lê Thị Thùy	Dương	21/10/1964	An Giang	
204	Lê Minh	Dương	19/10/1979	Tiền Giang	
205	Hoàng Trần Thùy	Dương	13/03/1990	TP. HCM	
206	Phạm Đại	Dương	26/05/1992	TP. HCM	
207	Phạm Thị Thùy	Dương	28/06/1995	TP. HCM	
208	Bùi Thị Ánh	Dương	09/10/1995	TP. HCM	

092

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 6 (Tên phòng A.2.1) - Từ SBD 209 đến 258

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
209	Tổng Kim	Đại	06/05/1971	Tp.HCM	
210	Phan Thị Trang	Đài	01/05/1995	TP. HCM	
211	Mai Anh	Đào	19/05/1995	Tây Ninh	
212	Lê Thị Anh	Đào	14/10/1996	TP. HCM	
213	Bùi Tấn	Đạt	13/02/1997	Bình Dương	
214	Đặng Xuân	Đạt	26/12/1996	Bình Dương	
215	Lê Thành	Đạt	11/05/1994	Bình Phước	
216	Nguyễn Tiến	Đạt	06/06/1993	TP. HCM	
217	Cao Phát	Đạt	08/05/1990	TP. HCM	
218	Nguyễn Đức	Đạt	25/11/1995	TP. HCM	
219	Nguyễn Hoàng	Đạt	19/10/1997	TP. HCM	
220	Lư Phát	Đạt	12/03/1985	An Giang	
221	Vĩnh	Đạt	20/03/1965	Tp.HCM	
222	Nguyễn Minh	Đạt	06/01/1995	TP. HCM	
223	Nguyễn Văn	Đạt	08/09/1977	TP. HCM	
224	Đặng Hữu	Đặng	23/10/1996	BR - VT	
225	Nguyễn Hải	Đặng	10/05/1981	TP. HCM	
226	Tô Văn	Đặng	06/03/1992	An Giang	
227	Phan Thị Mỹ	Đặng	15/01/1994	TP. HCM	
228	Lê Tranh	Đấu	07/07/1990	Trà Vinh	
229	Nông Thị	Đẹp	16/05/1994	TP. HCM	
230	Dương Minh	Đệ	16/08/1991	TP. HCM	
231	Nguyễn Văn	Đích	22/03/1972	TP. HCM	
232	Lại Thị Ngọc	Điểm	24/10/1981	Tp.HCM	
233	Lê Minh	Điền	08/08/1985	Tiền Giang	
234	Nguyễn Thị Ngọc	Điệp	01/01/1966	TP. HCM	
235	Nguyễn Thị Hoàng	Điệp	27/11/1963	TP. HCM	
236	Huỳnh Thị	Điều	30/07/1993	TP. HCM	
237	Võ Quốc	Đĩnh	01/08/1978	TP. HCM	

238	Nguyễn Ngọc	Đoan	01/01/1977	Đồng Nai	
239	Ngô Bằng	Đoan	15/08/1973	Đà Nẵng	
240	Lê Ngọc	Đoàn	15/02/1990	Đà Nẵng	
241	Trần Văn	Đông	18/10/1968	Bình Dương	
242	Nguyễn Văn	Đông	23/09/1979	Đồng Nai	
243	Lê Viễn	Đông	08/03/1978	TP. HCM	
244	Nguyễn Đức	Đông	19/06/1968	Đồng Nai	
245	Phan Tiến	Đông	06/02/1994	TP. HCM	
246	Đinh Đình Phú	Đức	16/07/1989	Bình Thuận	
247	Huỳnh Minh	Đức	15/10/1973	Tiền Giang	
248	Phạm Bửu	Đức	11/02/1987	TP. HCM	
249	Nguyễn Phúc	Đức	08/08/1982	TP. HCM	
250	Trần Bửu Thịnh	Đức	02/09/1969	Cần Thơ	
251	Phạm Đình	Đức	06/03/1956	Đồng Nai	
252	Trần Văn	Đức	10/12/1960	Khánh Hòa	
253	Đinh Trần Minh	Đức	13/09/1995	TP. HCM	
254	Vũ Tuấn	Đức	15/12/1993	TP. HCM	
255	Nguyễn Văn	E	08/03/1968	Cần Thơ	
256	Nguyễn Văn Út	Em	06/03/1981	Trà Vinh	
257	Trần Thị Hồng	Gấm	18/08/1986	TP. HCM	
258	Lê Khắc	Ghi	10/05/1986	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 7 (Tên phòng A.2.3) - Từ SBD 259 đến 308

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
259	Nguyễn Thị Hương	Giang	14/07/1994	Đà Nẵng	
260	Trần Thị	Giang	17/03/1996	TP. HCM	
261	Bùi Lam	Giang	23/01/1976	TP. HCM	
262	Trần Thanh	Giang	29/05/1978	TP. HCM	
263	Trần Thị Châu	Giang	26/05/1995	TP. HCM	
264	Từ Thị Cẩm	Giang	20/01/1994	TP. HCM	
265	Trần Thị Hương	Giang	21/07/1993	TP. HCM	
266	Nguyễn Vũ Hà	Giang	23/08/1992	TP. HCM	

267	Võ Đông	Giang	19/05/1975	Tây Ninh	
268	Trần Đức	Giang	27/01/1994	TP. HCM	
269	Chu Thị	Giang	10/12/1985	TP. HCM	
270	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	25/06/1995	BR-VT	
271	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	19/04/1995	TP. HCM	
272	Bùi Văn	Giáp	15/06/1994	Đồng Nai	
273	Trần Văn	Giới	12/03/1991	BR - VT	
274	Bùi Văn	Ha	03/06/1992	TP. HCM	
275	Võ Thị Ngân	Hà	31/12/1996	Bình Dương	
276	Hồ Thị Thu	Hà	10/07/1991	Bình Phước	
277	Nguyễn Thu	Hà	14/01/1984	Cần Thơ	
278	Phùng Ngọc Thanh	Hà	12/04/1984	Đồng Nai	
279	Đỗ Thanh	Hà	17/02/1996	Đà Nẵng	
280	Vũ Thu	Hà	08/10/1994	TP. HCM	
281	Nguyễn Thị Thanh	Hà	11/09/1992	TP. HCM	
282	Trương Thị Thu	Hà	24/01/1991	TP. HCM	
283	Ngô Vũ Vân	Hà	02/09/1982	TP. HCM	
284	Trần Kiêm Thanh	Hà	28/04/1995	TP. HCM	
285	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/08/1995	TP. HCM	
286	Phùng Vĩnh	Hà	25/04/1983	TP. HCM	
287	Nguyễn Vũ Hải	Hà	05/03/1996	TP. HCM	
288	Xà Thị Bích	Hà	06/03/1991	Đà Nẵng	
289	Trần Ngọc	Hà	09/09/1976	Tây Ninh	
290	Nguyễn Hải	Hà	01/07/1959	Tp.HCM	
291	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/05/1992	Tp.Hà Nội	
292	Lê Thị Thu	Hà	08/08/1991	TP. HCM	
293	Phan Thị Thu	Hà	21/02/1995	TP. HCM	
294	Đinh Hồ Nhị	Hà	17/07/1996	TP. HCM	
295	Nguyễn Trịnh Thanh	Hà	01/11/1996	TP. HCM	
296	Nguyễn Thị Thu	Hà	22/10/1993	TP. HCM	
297	Nguyễn Thị	Hà	10/01/1995	TP. HCM	
298	Nguyễn Thu	Hà	13/11/1994	TP. HCM	

299	Ngô An	Hạ	26/12/1977	Tp.HCM	
300	Đỗ Minh	Hạ	22/09/1974	Tp.HCM	
301	Hồ Thị Thanh	Hải	30/04/1979	Bình Dương	
302	Lê Minh	Hải	29/01/1987	Long An	
303	Đặng Thị Hồng	Hải	01/01/1987	Tây Ninh	
304	Nguyễn Thị Hồng	Hải	07/10/1988	Bình Dương	
305	Nguyễn Thanh	Hải	10/04/1959	Cà Mau	
306	Nguyễn Thanh	Hải	01/05/1965	Đà Nẵng	
307	Nguyễn Thanh	Hải	10/02/1964	Tiền Giang	
308	Nguyễn Ngọc	Hải	05/05/1979	Tp.HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 8 (Tên phòng A.3.2) - Từ SBD 309 đến 344

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
309	Huỳnh Ngọc	Hải	25/12/1960	Tp.HCM	
310	Lê Công Hoàng	Hải	31/12/1972	TP. HCM	
311	Hoàng Thanh	Hải	21/04/1972	TP. HCM	
312	Nguyễn Ngọc	Hải	04/02/1995	TP. HCM	
313	Nguyễn Văn	Hải	10/05/1989	TP. HCM	
314	Trần Lê Khánh	Hải	29/12/1993	TP. HCM	
315	Nguyễn Bảo	Hạnh	18/08/1985	Đồng Tháp	
316	Trương Thị Hồng	Hạnh	13/01/1996	Đà Nẵng	
317	Đặng Thị	Hạnh	15/07/1995	TP. HCM	
318	Thái Thị Kiều	Hạnh	11/07/1981	Cần Thơ	
319	Nguyễn Ngọc Thuý	Hạnh	14/03/1994	Tp.HCM	
320	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	08/01/1995	TP. HCM	
321	Phạm Thị Quỳnh	Hạnh	09/06/1995	TP. HCM	
322	Trần Thị	Hạnh	20/06/1994	TP. HCM	
323	Ngô	Hao	15/12/1994	TP. HCM	
324	Ngô Khắc	Hào	20/10/1963	Lâm Đồng	
325	Trần Anh	Hào	07/10/1997	TP. HCM	
326	Trần Nhật	Hào	01/09/1996	TP. HCM	
327	Đinh Quang	Hào	27/04/1971	Tp.HCM	

328	Luyện Thị	Hảo	10/08/1982	BR - VT	
329	Nguyễn Tô Như	Hảo	27/06/1992	TP. HCM	
330	Quách Văn	Hảo	21/10/1989	TP. HCM	
331	Nguyễn Ngọc Như	Hảo	28/08/1993	TP. HCM	
332	Mai Thị Thanh	Hảo	03/04/1995	TP. HCM	
333	Trần Thị Bích	Hằng	09/05/1980	Đồng Nai	
334	Lương Thị	Hằng	10/07/1995	Đồng Nai	
335	Trần Thị	Hằng	15/05/1995	Đà Nẵng	
336	Trần Thị Mỹ	Hằng	21/05/1983	TP. HCM	
337	Phùng Thanh	Hằng	06/11/1995	TP. HCM	
338	Hoàng Thị	Hằng	06/07/1992	TP. HCM	
339	Đoàn Thị Diễm	Hằng	21/08/1995	TP. HCM	
340	Trần Thị	Hằng	03/07/1982	TP. HCM	
341	Trần Thị Minh	Hằng	12/08/1994	TP. HCM	
342	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/09/1992	TP. HCM	
343	Mạch Mỹ Gia	Hân	21/03/1995	Tiền Giang	
344	Phan Ngọc Diễm	Hân	03/09/1979	Đồng Nai	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 9 (Tên phòng A.3.4) - Từ SBD 345 đến 380

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
345	Lê Phạm Việt	Hân	26/08/1996	TP. HCM	
346	Nguyễn Chí	Hậu	01/06/1996	Bạc Liêu	
347	Nguyễn Thị	Hậu	27/06/1995	Đà Nẵng	
348	Trần Thị	Hậu	23/04/1995	TP. HCM	
349	Nguyễn Thị	Hiền	05/04/1993	Bình Dương	
350	Nguyễn Minh	Hiền	28/04/1977	TP. HCM	
351	Đỗ Lê Ngọc	Hiền	22/02/1994	TP. HCM	
352	Quách Thị Mộng	Hiền	26/10/1975	TP. HCM	
353	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	17/06/1994	TP. HCM	
354	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	19/10/1996	TP. HCM	
355	Đỗ Thị Kim	Hiền	15/03/1980	TP. HCM	
356	Ngô Thị Thu	Hiền	23/09/1996	TP. HCM	

357	Diệp Thị Kim	Hiền	03/02/1966	Tp.HCM	
358	Huỳnh Ngọc Đại	Hiền	02/02/1978	TP. HCM	
359	Trần Xuân	Hiền	02/03/1980	Tp.HCM	
360	Nguyễn Văn	Hiền	08/11/1994	Kom Tum	
361	Lý Thị Mỹ	Hiệp	14/12/1983	TP. HCM	
362	Trần Thị Mỹ	Hiệp	29/11/1995	TP. HCM	
363	Nguyễn Đỗ Thành	Hiếu	10/12/1996	Bình Dương	
364	Nguyễn Văn	Hiếu	23/02/1994	Kom Tum	
365	Phạm Trung	Hiếu	01/07/1991	TP. HCM	
366	Đào Trọng	Hiếu	24/08/1987	TP. HCM	
367	Phạm Xuân	Hiếu	06/09/1986	TP. HCM	
368	Đỗ Quan	Hiếu	31/08/1985	TP. HCM	
369	Trần Đặng Chí	Hiếu	02/03/1996	TP. HCM	
370	Nguyễn Thị Phương	Hiếu	24/09/1996	TP. HCM	
371	Võ Trọng	Hiếu	29/04/1979	TP. HCM	
372	Nguyễn Trung	Hiếu	20/07/1991	TP. HCM	
373	Nguyễn Hồ Vũ	Hiếu	31/03/1993	TP. HCM	
374	Vũ Văn	Hình	07/06/1981	Gia Lai	
375	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	11/08/1984	Quảng Ngãi	
376	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	24/09/1996	TP. HCM	
377	Trần Thị Như	Hoa	22/01/1990	Bến Tre	
378	Bùi Thị Trinh	Hoa	06/03/1995	TP. HCM	
379	Trần Trọng	Hòa	14/04/1992	TP. HCM	
380	Võ Thiện	Hòa	28/08/1991	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 10 (Tên phòng A.3.6) - Từ SBD 381 đến 416

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
381	Trần Văn	Hòa	25/10/1987	Vĩnh Long	
382	Nguyễn Thị	Hòa	20/09/1995	TP. HCM	
383	Nguyễn Văn	Hoài	01/12/1995	TP. HCM	
384	Đỗ Hiệp Khải	Hoàn	14/07/1992	TP. HCM	
385	Nguyễn Ngọc	Hoàn	08/05/1985	Tp.HCM	

386	Nguyễn Văn	Hoàn	13/05/1996	TP. HCM	
387	Lê Đỗ Minh	Hoàng	07/02/1996	Bạc Liêu	
388	Hồ Minh	Hoàng	23/11/1996	Bình Dương	
389	Nguyễn Thị Mỹ	Hoàng	06/07/1996	TP. HCM	
390	Bùi Viết	Hoàng	22/03/1986	TP. HCM	
391	Tăng Văn	Hoàng	04/03/1979	BR - VT	
392	Trần Huy	Hoàng	28/02/1988	Khánh Hòa	
393	Nguyễn Văn	Hoàng	03/09/1968	Tp.HCM	
394	Võ Duy	Hoàng	01/01/1985	TP. HCM	
395	Trần Văn	Hoàng	24/04/1996	TP. HCM	
396	Hà Thanh	Hoàng	08/08/1995	TP. HCM	
397	Phạm Văn	Hoàng	22/12/1994	TP. HCM	
398	Vũ Trần Xuân	Hoàng	19/03/1996	TP. HCM	
399	Lê Thành	Hoàng	10/02/1992	TP. HCM	
400	Nguyễn Nhật	Hoàng	10/12/1995	TP. HCM	
401	Trương Quang	Hoàng	10/10/1966	TP. HCM	
402	Hà Văn	Hon	29/01/1966	Long An	
403	Nguyễn Ngọc	Hồ	06/05/1997	TP. HCM	
404	Trương Thị Bích	Hồng	17/10/1996	TP. HCM	
405	Trương Công	Hồng	05/06/1990	TP. HCM	
406	Bùi Thị Thu	Hồng	27/09/1994	TP. HCM	
407	Trần Thanh	Hội	21/02/1995	TP. HCM	
408	Nguyễn Tuấn	Huân	24/03/1991	BR - VT	
409	Trần Đình	Huấn	06/08/1984	Tp.HCM	
410	Lê Thị	Huê	27/03/1995	TP. HCM	
411	Nguyễn	Huệ	15/07/1957	Đồng Nai	
412	Bùi Thị Mỹ	Huệ	24/09/1997	Phú Yên	
413	Nguyễn Thị	Huệ	11/06/1995	TP. HCM	
414	Trần Thị	Huệ	28/04/1996	TP. HCM	
415	Nguyễn Thị Kim	Huệ	18/12/1995	TP. HCM	
416	Phạm Ngọc	Huệ	15/08/1960	Tp.HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 11 (Tên phòng A.3.1) - Từ SBD 417 đến 466

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
417	Đinh Thị	Huế	22/03/1991	TP. HCM	
418	Phạm Quốc	Hùng	17/02/1976	TP. HCM	
419	Hoàng Minh	Hùng	08/11/1996	TP. HCM	
420	Vũ Văn	Hùng	10/05/1995	TP. HCM	
421	Phan Tấn	Hùng	02/10/1995	TP. HCM	
422	Dương Công	Hùng	03/03/1973	Đà Nẵng	
423	Diệp Thanh	Hùng	12/12/1964	Hậu Giang	
424	Nguyễn Thanh	Hùng	01/06/1976	Tp.HCM	
425	Nguyễn Mạnh	Hùng	02/08/1988	Tp.Hà Nội	
426	Từ Thế Anh	Hùng	18/04/1987	Đắk Lắk	
427	Lê Mạnh	Hùng	05/06/1979	Đà Nẵng	
428	Nguyễn Tấn Phi	Hùng	10/11/1995	TP. HCM	
429	Nguyễn Việt	Hùng	01/10/1989	TP. HCM	
430	Đỗ Minh	Hùng	22/06/1994	TP. HCM	
431	Nguyễn Tấn	Hùng	06/02/1989	TP. HCM	
432	Đàm Văn	Hùng	28/09/1994	TP. HCM	
433	Trần Mạnh	Hùng	28/08/1974	TP. HCM	
434	Nguyễn Mạnh	Hùng	10/02/1971	TP. HCM	
435	Lê Văn	Huy	26/08/1995	Đắk Lắk	
436	Lê Hoàng Gia	Huy	30/10/1997	Trà Vinh	
437	Nguyễn Đức	Huy	18/09/1996	TP. HCM	
438	Đinh Quang	Huy	30/12/1992	Tp.HCM	
439	Trần Quốc	Huy	19/10/1988	Tp.HCM	
440	Nguyễn Xuân	Huy	10/04/1996	TP. HCM	
441	Nguyễn Công	Huy	17/10/1987	TP. HCM	
442	Phạm Quang	Huy	13/07/1994	TP. HCM	
443	Phạm Hải	Huy	20/10/1983	TP. HCM	
444	Phạm Đức	Huy	22/12/1976	TP. HCM	
445	Nguyễn Đức	Huy	04/02/1995	Tp.HCM	

VIỆT
NAM

446	Tạ Nguyễn Ngọc	Huyền	12/03/1985	TP. HCM	
447	Nguyễn Thị Kim	Huyền	15/01/1991	Bến Tre	
448	Nguyễn Thị Trung	Huyền	13/07/1988	Bến Tre	
449	Huỳnh Thị Ngọc	Huyền	10/02/1996	Đồng Nai	
450	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	29/05/1997	Đà Nẵng	
451	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/06/1996	TP. HCM	
452	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	01/09/1995	TP. HCM	
453	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	17/08/1996	TP. HCM	
454	Đinh Thị Thu	Huyền	19/01/1986	TP. HCM	
455	Phạm Thị Thu	Huyền	17/09/1996	TP. HCM	
456	Trần Thị Mộng	Huyền	14/10/1984	TP. HCM	
457	Đào Thu	Huyền	06/01/1996	TP. HCM	
458	Hoàng Thị Mỹ	Huyền	26/08/1995	TP. HCM	
459	Lưu Thị	Huyền	23/11/1996	TP. HCM	
460	Ngô Thị Như	Huỳnh	18/08/1995	TP. HCM	
461	Đỗ Khắc Tất	Hưng	18/11/1993	TP. HCM	
462	Trần Tấn	Hưng	01/02/1996	TP. HCM	
463	Đỗ	Hưng	01/10/1954	Tp.HCM	
464	Trần Ngọc	Hưng	20/08/1994	Tp.HCM	
465	Lê Nhựt	Hùng	03/02/1991	Vĩnh Long	
466	Nguyễn Thị	Hương	03/09/1994	BR - VT	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 12 (Tên phòng A.3.3) - Từ SBD 467 đến 516

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
467	Bùi Thị Thu	Hương	07/01/1996	Đắk Lắk	
468	Đậu Thị	Hương	20/12/1995	Đồng Nai	
469	Nguyễn Hoài	Hương	01/05/1991	TP. HCM	
470	Đồng Nữ Hoàng	Hương	02/09/1996	TP. HCM	
471	La Thị Thu	Hương	08/06/1974	Cần Thơ	
472	Nguyễn Thị Lan	Hương	11/09/1978	Tp.HCM	
473	Lê Thị Minh	Hương	14/10/1995	TT - Huế	
474	Bùi Thị	Hường	10/01/1994	Đồng Nai	

475	Dương Thị Thu	Hường	28/08/1971	Đồng Nai	
476	Nguyễn Thị	Hường	14/08/1995	TP. HCM	
477	Bùi Công Phú	Hường	20/06/1996	TP. HCM	
478	Trần Quang	Hướng	26/06/1987	TP. HCM	
479	Lê Sỹ	Huu	17/11/1994	Bình Dương	
480	Nguyễn	Hynos	26/06/1979	Đồng Tháp	
481	Lê Thành	Kế	29/03/1966	TP. HCM	
482	Nguyễn Bá	Kết	01/08/1983	TP. HCM	
483	Trịnh Xuân	Kiên	28/08/1980	Đồng Nai	
484	Trần Trung	Kiên	03/06/1988	Tp.HCM	
485	Võ Quang	Kiệt	09/07/1995	Đà Nẵng	
486	Hồ Vũ Thúy	Kiều	18/07/1990	Đà Nẵng	
487	Nguyễn Thị Lệ	Kiều	20/04/1993	TP. HCM	
488	Phạm Nhật	Kiều	20/01/1963	TP. HCM	
489	Lê Trần Song	Kim	14/10/1995	TP. HCM	
490	Nguyễn Hoàng Mỹ	Kim	13/12/1992	TP. HCM	
491	Lê Viết	Kỳ	18/04/1980	TP. HCM	
492	Trương Bảo	Khá	18/05/1979	Cần Thơ	
493	Hoàng	Kha	30/03/1995	TP. HCM	
494	Lưu Thị Xuân Nữ Hoàn	Khải	10/02/1989	Tp.HCM	
495	Vương Quan	Khải	13/10/1975	TP. HCM	
496	Nông Thị	Khang	03/10/1996	Đồng Nai	
497	Lê Duy	Khang	14/08/1995	TP. HCM	
498	Bùi Bảo	Khang	02/03/1996	TP. HCM	
499	Lâm Mạnh	Khang	16/07/1996	TP. HCM	
500	Trương Thị An	Khang	02/04/1995	TP. HCM	
501	Bùi Thị Mỹ	Khanh	20/06/1990	TP. HCM	
502	Đặng Ngọc Tường	Khanh	13/01/1981	TP. HCM	
503	Cù Long	Khánh	10/05/1993	TP. HCM	
504	Hà Nguyễn Quốc	Khánh	26/10/1956	Đồng Nai	
505	Nguyễn Mai Như	Khánh	02/09/1996	TP. HCM	
506	Lê Đăng	Khoa	18/02/1995	Ninh Thuận	

492

507	Thiệu Bá	Khoa	06/07/1984	TP. HCM	
508	Lê Minh	Khoa	17/06/1993	TP. HCM	
509	Nguyễn Minh	Khôi	19/06/1981	Bến Tre	
510	Nguyễn Bá	Khôi	13/08/1976	TP. HCM	
511	Lê Thị	Khuyên	22/06/1994	Long An	
512	Nguyễn Đình	Khương	26/04/1995	TP. HCM	
513	Nguyễn Văn	Lâm	10/06/1991	Tp.HCM	
514	Phạm Hoàng	Lam	10/10/1981	TP. HCM	
515	Lê Thị	Lan	01/06/1976	Bình Dương	
516	Trịnh Thị	Lan	05/02/1990	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 13 (Tên phòng A.3.5) - Từ SBD 517 đến 566

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
517	Nguyễn Linh	Lan	26/09/1969	TP. HCM	
518	Bùi Hương	Lan	08/12/1993	TP. HCM	
519	Nguyễn Thị Ngọc	Lang	24/11/1979	TP. HCM	
520	Trần Thị Thanh	Lang	07/02/1993	TP. HCM	
521	Lương Văn	Lắm	22/12/1979	TP. HCM	
522	Nguyễn Thị Thuý	Lâm	05/05/1995	TP. HCM	
523	Nguyễn Tùng	Lâm	16/07/1968	Cà Mau	
524	Bùi Đức	Lâm	22/01/1974	Cần Thơ	
525	Trần Đào Hải	Lâm	23/02/1977	Đồng Nai	
526	Nguyễn Hồng	Lâm	05/06/1980	Lâm Đồng	
527	Đỗ Thị Hoài	Lâm	20/07/1988	Tp.HCM	
528	Huỳnh Văn	Lâm	06/10/1996	TP. HCM	
529	Vũ Văn	Lâm	17/06/1986	TP. HCM	
530	Bùi Thị	Lệ	15/11/1994	Đà Nẵng	
531	Nguyễn Thị	Lệ	20/01/1996	TP. HCM	
532	Hoàng Ngọc	Liên	27/03/1982	BR - VT	
533	Trần Thị Bích	Liên	25/10/1990	Bình Dương	
534	Đinh Bích	Liên	01/02/1996	Gia Lai	
535	Lâm Thị	Liên	02/06/1995	TP. HCM	

536	Võ Thị Kim	Liên	23/07/1993	TP. HCM	
537	Nguyễn Thị	Liên	17/09/1991	TP. HCM	
538	Nguyễn Thị Hương	Liên	20/10/1991	TP. HCM	
539	Hồ Thị	Liễu	24/12/1986	Cần Thơ	
540	Hoàng Thị	Liễu	24/01/1994	Tp.HCM	
541	Trương Đỗ Thảo	Linh	08/04/1997	BR - VT	
542	Võ Thị Thùy	Linh	13/11/1989	Hậu Giang	
543	Đỗ Thị Hoài	Linh	17/10/1996	Đà Nẵng	
544	Nguyễn Thị Khánh	Linh	19/02/1996	TP. HCM	
545	Võ Thị	Linh	14/07/1994	TP. HCM	
546	Đoàn Thị Hồng	Linh	30/01/1993	TP. HCM	
547	Lê Huỳnh Ngọc	Linh	12/11/1996	TP. HCM	
548	Đỗ Thị Khánh	Linh	26/05/1993	TP. HCM	
549	Triệu Đoàn Tuấn	Linh	20/08/1978	TP. HCM	
550	Văn Gia	Linh	19/09/1995	TP. HCM	
551	Nguyễn Võ Thuỳ	Linh	10/11/1995	TP. HCM	
552	Ngô Thị Xuyên	Linh	20/12/1993	TP. HCM	
553	Nguyễn Mỹ	Linh	20/03/1995	TP. HCM	
554	Phạm Thuỳ	Linh	20/06/1995	TP. HCM	
555	Nguyễn Mỹ Kiều	Linh	17/02/1994	TP. HCM	
556	Võ Thị Diệu	Linh	10/08/1995	TP. HCM	
557	Phan Hồng	Linh	01/01/1981	Tp.HCM	
558	Vũ Thị Phương	Linh	23/12/1987	Tp.HCM	
559	Trần Thái	Linh	20/03/1983	Tp.Hà Nội	
560	Trương Thị Cẩm	Linh	28/10/1995	TP. HCM	
561	Nguyễn Anh	Linh	02/01/1983	TP. HCM	
562	Đào Hải	Linh	11/03/1996	TP. HCM	
563	Nguyễn Ngọc	Linh	07/01/1995	TP. HCM	
564	Nguyễn Huỳnh Phương	Linh	20/01/1995	TP. HCM	
565	Kpã Nguyễn Thu	Linh	02/09/1994	TP. HCM	
566	Lê Thị	Linh	24/09/1994	TP. HCM	

462

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 14 (Tên phòng A.4.2) - Từ SBD 567 đến 602

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
567	Nguyễn Phùng Ngọc	Linh	11/07/1995	TP. HCM	
568	Phạm Thị Ngọc	Linh	05/06/1994	TP. HCM	
569	Đồng Nữ Thùy	Linh	16/12/1997	TP. HCM	
570	Trần Nguyễn Hiền	Linh	12/10/1996	TP. HCM	
571	Bùi Mai	Linh	30/08/1994	TP. HCM	
572	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29/03/1996	TP. HCM	
573	Lê Công Mạnh	Linh	23/11/1995	TP. HCM	
574	Trần Thị Khánh	Linh	05/01/1995	TP. HCM	
575	Trần Văn	Linh	16/04/1993	TP. HCM	
576	Hoàng Thị Hồng	Linh	24/10/1996	TP. HCM	
577	Mai Thị Tố	Loan	20/01/1996	TP. HCM	
578	Nguyễn Tố	Loan	08/02/1996	TP. HCM	
579	Trần Thanh	Long	01/05/1981	Lâm Đồng	
580	Nguyễn Thanh	Long	10/09/1990	TP. HCM	
581	Nguyễn Hải	Long	30/12/1978	Vĩnh Long	
582	Nguyễn Hoàng	Long	07/10/1985	Tp.HCM	
583	Trần Tuấn	Long	12/11/1973	Tp.HCM	
584	Lữ Chu Bảo	Long	04/11/1991	TP. HCM	
585	Đình Ca	Long	22/08/1994	TP. HCM	
586	Bùi Vĩnh	Long	04/04/1988	TP. HCM	
587	Khuất Hải	Long	02/03/1988	TP. HCM	
588	Nguyễn Ngọc Vĩnh	Lộc	28/01/1990	Tây Ninh	
589	Huỳnh Hữu	Lộc	22/07/1985	TP. HCM	
590	Phan Duy	Lộc	25/08/1993	TP. HCM	
591	Nguyễn Quang	Lộc	23/12/1982	Bình Phước	
592	Lê Xuân	Lộc	12/12/1976	Tp.HCM	
593	Nguyễn Hữu	Lộc	07/10/1995	TP. HCM	
594	Nguyễn Tấn	Lộc	23/10/1989	TP. HCM	
595	Phùng Quốc	Lợi	07/02/1980	Tây Ninh	

596	Nguyễn Thị	Lời	03/10/1993	TP. HCM	
597	Trương Kiên Thanh	Luân	13/09/1979	Trà Vinh	
598	Phí Văn	Lương	28/03/1983	Đắk Lắk	
599	Lê Kiên	Lương	02/05/1981	Đồng Nai	
600	Nguyễn Thị Hiền	Lương	20/03/1995	TP. HCM	
601	Bùi Văn	Lượng	20/08/1996	TP. HCM	
602	Đào Thị Yến	Ly	10/04/1991	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 15 (Tên phòng A.4.4) - Từ SBD 603 đến 638

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
603	Phạm Thị My	Ly	13/03/1995	TP. HCM	
604	Trần Cam	Ly	30/05/1944	BR - VT	
605	Võ Thị Tuyết	Ly	10/01/1992	Tp.HCM	
606	Nguyễn Ngọc Hương	Ly	03/07/1992	TP. HCM	
607	Ngô Thị Thảo	Ly	01/09/1996	TP. HCM	
608	Trần Thị Hương	Ly	24/08/1988	TP. HCM	
609	Lê Thị Hải	Lý	12/04/1995	TP. HCM	
610	Huỳnh Thiên	Lý	20/06/1994	TP. HCM	
611	Ngô Thị Thanh	Mai	02/06/1994	Đồng Nai	
612	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	24/07/1985	Kiên Giang	
613	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	01/03/1995	TP. HCM	
614	Trần Thị Phương	Mai	16/09/1985	Cần Thơ	
615	Lê Duy	Mai	16/08/1982	Quảng Nam	
616	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	01/06/1986	Trà Vinh	
617	Vũ Thị	Mai	08/06/1995	Tp.Hà Nội	
618	Lê Thị Thanh	Mai	06/12/1995	TP. HCM	
619	Phạm Thị	Mai	12/07/1993	TP. HCM	
620	Lê Thị	Mai	15/03/1989	TP. HCM	
621	Trần Thị	Mai	29/05/1992	TP. HCM	
622	Tô Thị Hồng	Mai	12/07/1994	TP. HCM	
623	Huỳnh Thị	Mai	22/01/1996	TP. HCM	
624	Đinh Thanh	Mạnh	04/06/1978	Đồng Nai	

625	Nguyễn Xuân	Mạnh	02/05/1973	Tp.HCM	
626	Nguyễn Gia	Mạnh	28/11/1995	TP. HCM	
627	Châu Thành	Mẫn	20/02/1972	TP. HCM	
628	Lê Đình	Mẫn	20/01/1995	TP. HCM	
629	Nguyễn Tiên	Mẫn	10/01/1995	TP. HCM	
630	Phạm Quốc	Mẫu	26/01/1977	Phú Yên	
631	Trần Duy	Mến	12/01/1994	Bình Dương	
632	Lương Ngọc Hà	Mi	05/03/1992	TP. HCM	
633	Huỳnh Thị Huỳnh	Mi	09/06/1996	TP. HCM	
634	Trịnh Thị Tuệ	Minh	11/08/1994	TP. HCM	
635	Nguyễn Văn	Minh	16/12/1994	TP. HCM	
636	Đoàn Văn	Minh	14/07/1958	Long An	
637	Trần Hùng	Minh	13/04/1959	Tp.HCM	
638	Trần Nghiêm Công	Minh	08/05/1996	Đồng Nai	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 16 (Tên phòng A.4.6) - Từ SBD 639 đến 674

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
639	Nguyễn Thị Xuân	Minh	23/09/1978	TP. HCM	
640	Nguyễn Thị Bình	Minh	06/11/1987	TP. HCM	
641	Lê Tấn	Minh	23/09/1985	TP. HCM	
642	Trần Hữu	Minh	13/10/1985	TP. HCM	
643	Trần Phúc	Minh	15/07/1995	TP. HCM	
644	Dương Thị	Minh	24/11/1985	Tp.HCM	
645	Lê Thị	Mơ	15/07/1996	TP. HCM	
646	Cao Xuân	Mùi	15/09/1979	Tp.HCM	
647	Bùi Thị Huyền	My	01/01/1995	TP. HCM	
648	Nguyễn Thị Diễm	My	29/08/1994	TP. HCM	
649	Nguyễn Hà	My	27/02/1995	TP. HCM	
650	Nguyễn Lương Huyền	My	05/12/1993	Tp.Hà Nội	
651	Nguyễn Thị Uyên	My	30/04/1996	TP. HCM	
652	Nguyễn Thị Cẩm	My	27/09/1996	TP. HCM	
653	Lê Hà	My	10/09/1996	TP. HCM	

654	Nguyễn Vương Thụy	My	09/08/1991	TP. HCM	
655	Nguyễn Huy	Nam	29/03/1980	Đồng Nai	
656	Vũ Duy	Nam	25/02/1988	Đồng Nai	
657	Lê Văn	Nam	05/09/1993	Đồng Nai	
658	Trịnh Văn	Nam	15/04/1986	Đồng Nai	
659	Hoàng Hải	Nam	16/02/1995	TP. HCM	
660	Hồ Quốc	Nam	28/08/1989	TP. HCM	
661	Nguyễn Hoàng	Nam	10/10/1994	TP. HCM	
662	Thái Trung	Nam	07/06/1981	Cần Thơ	
663	Nguyễn Văn	Nam	18/12/1992	Đồng Nai	
664	Đỗ Hoàng	Nam	20/01/1996	TP. HCM	
665	Phí Quang	Nam	29/10/1992	TP. HCM	
666	Cao Văn Bé	Năm	16/08/1980	Sóc Trăng	
667	Lâm Thị Hằng	Ni	26/03/1988	Sóc Trăng	
668	Trần Thị	Niên	12/11/1996	TP. HCM	
669	Lê Thị Thanh	Nga	04/10/1995	BR - VT	
670	Võ Thị Trung	Nga	01/01/1995	Đồng Nai	
671	Thái Thị Quỳnh	Nga	22/01/1984	Đồng Nai	
672	Lê Thị Tuyết	Nga	19/03/1988	TP. HCM	
673	Lê Thị Hồng	Nga	04/01/1991	TP. HCM	
674	Lê Hằng	Nga	09/11/1989	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 17 (Tên phòng A.4.1) - Từ SBD 675 đến 724

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
675	Huỳnh Thị	Nga	01/01/1994	TP. HCM	
676	Hồ Thị	Nga	19/02/1986	TP. HCM	
677	Nguyễn Hữu	Ngãi	04/05/1958	Đồng Nai	
678	Phan Quỳnh	Ngân	09/12/1995	TP. HCM	
679	Nguyễn Dương Nguyệt	Ngân	21/07/1992	TP. HCM	
680	Nguyễn Thu	Ngân	19/03/1993	TP. HCM	
681	Nguyễn Thị Kim	Ngân	04/06/1991	Bến Tre	
682	Trần Thanh	Ngân	12/08/1959	Cần Thơ	

Ug

683	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	14/09/1983	Tp.HCM	
684	Trần Thị Thu	Ngân	10/12/1992	TP. HCM	
685	Tổng Thị	Ngân	19/12/1985	TP. HCM	
686	Trần Thị Bích	Ngân	31/08/1996	TP. HCM	
687	Lê Kim	Ngân	16/04/1982	TP. HCM	
688	Phạm Thị Thanh	Ngân	28/07/1995	TP. HCM	
689	Phan Trúc	Ngân	04/01/1993	TP. HCM	
690	Đặng Thị Kiều	Nghi	24/08/1995	TP. HCM	
691	Tiêu Hồng Tú	Nghi	20/11/1995	TP. HCM	
692	Lê Hữu	Nghĩa	10/02/1996	Bình Dương	
693	Mai Trọng	Nghĩa	26/11/1979	TP. HCM	
694	Nguyễn Thành	Nghĩa	03/05/1977	Khánh Hòa	
695	Dương Hoàng	Nghĩa	05/01/1995	TP. HCM	
696	Đặng Chí	Nghĩa	18/09/1994	TP. HCM	
697	Đặng Đức	Nghĩa	31/01/1993	TP. HCM	
698	Trương Hoàng	Nghĩa	14/06/1996	TP. HCM	
699	Bùi Thị	Nghiên	07/09/1992	TP. HCM	
700	Bùi Công	Nghiệp	31/03/1968	Tp.HCM	
701	Lê Yến	Ngọc	01/01/1981	Cần Thơ	
702	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	04/12/1994	Kiên Giang	
703	Trần Đào Thúy	Ngọc	09/05/1995	Sóc Trăng	
704	Nguyễn Hồng	Ngọc	07/03/1995	Trà Vinh	
705	Phạm Thị Yến	Ngọc	15/08/1992	Đà Nẵng	
706	Quách Thị	Ngọc	06/06/1996	TP. HCM	
707	Nguyễn Hồng	Ngọc	20/02/1995	Cần Thơ	
708	Trần Khánh	Ngọc	02/12/1985	Tp.HCM	
709	Võ Khánh	Ngọc	30/08/1971	Tp.HCM	
710	Hà Thị	Ngọc	01/06/1992	TP. HCM	
711	Nguyễn Thị Như	Ngọc	04/07/1995	TP. HCM	
712	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	23/10/1994	TP. HCM	
713	Trần Thị Thúy	Ngọc	04/09/1994	TP. HCM	
714	Ngô Thị	Ngọc	11/12/1993	TP. HCM	

462

715	Trần Bảo	Ngọc	21/12/1994	TP. HCM	
716	Trương Đình Bảo	Ngọc	15/10/1992	TP. HCM	
717	Lê Quang	Ngọc	10/11/1993	TP. HCM	
718	Đỗ Thị Kim	Ngọc	25/08/1995	TP. HCM	
719	Đỗ Hồng	Ngọc	13/11/1991	TP. HCM	
720	Trần Thụy Bích	Ngọc	02/04/1977	TP. HCM	
721	Trần Bích	Ngọc	17/11/1993	Tp.HCM	
722	Võ Thanh	Nguyên	18/09/1991	TP. HCM	
723	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên	11/07/1991	TP. HCM	
724	Trần Nguyễn Bình	Nguyên	20/11/1988	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 18 (Tên phòng A.4.3) - Từ SBD 725 đến 774

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
725	Nguyễn Thảo	Nguyên	22/11/1995	TP. HCM	
726	Lê Phan Hạnh	Nguyên	01/12/1995	TP. HCM	
727	Nguyễn Trung	Nguyên	24/09/1995	TP. HCM	
728	Nguyễn Thị	Nguyên	10/01/1983	TP. HCM	
729	Nguyễn Đức	Nguyên	10/06/1980	Tp.HCM	
730	Trần Chí	Nguyên	15/08/1994	Bình Phước	
731	Trần Chí	Nguyên	04/11/1994	Cần Thơ	
732	Nguyễn Thị	Nguyệt	01/12/1992	Tp.HCM	
733	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	19/10/1995	TP. HCM	
734	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	28/09/1995	TP. HCM	
735	Trần Minh	Nguyệt	13/05/1986	TP. HCM	
736	Cao Thanh	Nhã	16/10/1996	Cần Thơ	
737	Võ Hòa	Nhã	29/08/1986	TP. HCM	
738	Phan Lê Thanh	Nhàn	09/10/1982	TP. HCM	
739	Lê Văn	Nhanh	02/09/1966	Long An	
740	Nguyễn Duy Việt	Nhân	23/12/1977	Đồng Nai	
741	Triệu Thị Ái	Nhân	05/01/1994	TP. HCM	
742	Trần Văn	Nhân	12/04/1990	Tp.HCM	
743	Võ Văn	Nhân	22/09/1979	Tp.HCM	

VIỆT
NAM

744	Đặng Hoàng	Nhân	26/01/1995	TP. HCM	
745	Nguyễn Thị Thảo	Nhân	01/06/1995	TP. HCM	
746	Vũ Duy	Nhất	30/04/1991	TP. HCM	
747	Đỗ Như	Nhật	22/09/1970	TP. HCM	
748	Đinh Yến	Nhi	25/05/1996	Khánh Hòa	
749	Phạm Thị Thiên	Nhi	07/10/1997	Trà Vinh	
750	Trần Thị Lâm	Nhi	29/05/1995	Đà Nẵng	
751	Hồ Thị Hà	Nhi	20/06/1996	TP. HCM	
752	Nguyễn Ái	Nhi	22/09/1995	TP. HCM	
753	Nguyễn Bạch Yến	Nhi	26/02/1990	Bến Tre	
754	Đặng Thảo	Nhi	29/01/1995	TP. HCM	
755	Nguyễn Thị Phương	Nhi	12/06/1996	TP. HCM	
756	Ngô Đình	Nhiên	12/06/1991	TP. HCM	
757	Bùi Văn	Nhiên	29/08/1957	Tp.HCM	
758	Nguyễn Thị	Nhiên	29/06/1996	TP. HCM	
759	Kiều	Nhiều	27/01/1990	TP. HCM	
760	Lê Nguyễn	Nhu	19/12/1986	Cần Thơ	
761	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	22/12/1986	Cần Thơ	
762	Cao Thị Tuyết	Nhung	27/08/1995	TP. HCM	
763	Hoàng Thị	Nhung	24/09/1995	TP. HCM	
764	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	25/04/1986	TP. HCM	
765	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	05/01/1996	TP. HCM	
766	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	12/10/1995	TP. HCM	
767	Trịnh Huyền	Nhung	10/06/1995	TP. HCM	
768	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	29/12/1994	TP. HCM	
769	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	17/06/1992	TP. HCM	
770	Đặng Huỳnh	Như	15/01/1996	Trà Vinh	
771	Nguyễn Lê Thảo	Như	17/12/1996	TP. HCM	
772	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	20/11/1997	TP. HCM	
773	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	19/02/1996	TP. HCM	
774	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	07/06/1993	Đồng Nai	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 19 (Tên phòng B.1.1) - Từ SBD 775 đến 824

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
775	Võ Ngọc Quỳnh	Như	15/10/1995	TP. HCM	
776	Trần Thị Quỳnh	Như	07/10/1996	TP. HCM	
777	Hồ Nguyễn Quỳnh	Như	04/03/1995	TP. HCM	
778	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	07/02/1995	TP. HCM	
779	Nguyễn Huỳnh Ý	Như	27/01/1996	TP. HCM	
780	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	17/08/1995	TP. HCM	
781	Huỳnh Minh	Nhựt	23/09/1987	Cà Mau	
782	Nguyễn Thế	Oai	17/06/1989	TP. HCM	
783	Phan Thị Kiều	Oanh	17/07/1992	Trà Vinh	
784	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	28/01/1995	Vĩnh Long	
785	Lê Thị Yến	Oanh	29/03/1994	TP. HCM	
786	Trần Thị	Oanh	07/07/1995	TP. HCM	
787	Huỳnh Đức	Oanh	26/07/1977	TP. HCM	
788	Phạm Thị Kiều	Oanh	16/10/1996	TP. HCM	
789	Vũ Thị Kim	Oanh	26/09/1996	TP. HCM	
790	Trần Thị Kiều	Oanh	27/08/1983	TP. HCM	
791	Huỳnh Minh	Pháp	15/10/1992	TP. HCM	
792	Võ Tấn	Phát	27/03/1988	Cần Thơ	
793	Phạm Văn	Phi	20/05/1971	Đồng Nai	
794	Nguyễn Thị Hồng	Phiên	17/01/1995	Vĩnh Long	
795	Huỳnh Kim	Phong	08/06/1983	BR - VT	
796	Lê Đình	Phong	18/08/1991	Bình Định	
797	Nguyễn Trịnh Phi	Phong	27/06/1996	Đồng Nai	
798	Nguyễn Văn	Phong	06/06/1980	Đồng Nai	
799	Lê Thanh	Phong	22/02/1993	Tiền Giang	
800	Nguyễn Thanh	Phong	19/11/1993	TP. HCM	
801	Nguyễn Thanh	Phong	12/10/1983	TP. HCM	
802	Bùi Thanh	Phong	18/07/1979	Tp.HCM	
803	Trần	Phú	15/04/1994	TP. HCM	

Uqz

804	Nguyễn Gia	Phú	06/05/1994	TP. HCM	
805	Cao Thiên	Phú	24/05/1995	TP. HCM	
806	Nguyễn Thanh	Phú	04/03/1992	Bạc Liêu	
807	Nguyễn Vũ	Phú	31/07/1992	TP. HCM	
808	Huỳnh Thanh	Phúc	16/08/1995	Kiên Giang	
809	Hồ Kim Hồng	Phúc	03/04/1996	TP. HCM	
810	Vũ Hoàng	Phúc	27/03/1978	Bình Phước	
811	Đặng Văn	Phúc	14/11/1958	Tp.HCM	
812	Nguyễn Văn	Phúc	23/04/1967	TP. HCM	
813	Trần Hữu	Phúc	14/01/1994	TP. HCM	
814	Trần Thiên	Phúc	23/02/1996	TP. HCM	
815	Nguyễn Nhật	Phúc	24/07/1994	TP. HCM	
816	Dương Minh	Phúc	02/09/1977	TP. HCM	
817	Vương Toàn Đan	Phụng	23/07/1994	TP. HCM	
818	Trương Thị Kim	Phụng	09/08/1994	TP. HCM	
819	Nguyễn Văn	Phước	24/04/1988	Bình Dương	
820	Lê Hữu	Phước	05/03/1983	Vĩnh Long	
821	Đinh Bá	Phước	28/10/1994	TP. HCM	
822	Lý Hồng	Phước	14/07/1967	Cần Thơ	
823	Trần Ngọc	Phước	20/02/1968	TP. HCM	
824	Thân Thị Thu	Phương	20/01/1996	Bình Dương	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 20 (Tên phòng B.1.3) - Từ SBD 825 đến 874

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
825	Nguyễn Lan	Phương	31/03/1979	Cần Thơ	
826	Lê Thị Trúc	Phương	15/04/1995	Trà Vinh	
827	Lê Trần Thị Thu	Phương	06/01/1996	Ninh Thuận	
828	Nguyễn Thị Lan	Phương	02/11/1968	TP. HCM	
829	Lê Thanh	Phương	20/09/1979	TP. HCM	
830	Lâm Kiều	Phương	17/10/1995	TP. HCM	
831	Hồ Thị Bích	Phương	10/05/1994	TP. HCM	
832	Lê Thảo	Phương	06/12/1984	TP. HCM	

833	Trần Đình Ái	Phương	30/03/1972	TP. HCM	
834	Nguyễn Thảo	Phương	07/04/1995	TP. HCM	
835	Lê Thanh	Phương	07/07/1977	TP. HCM	
836	Phan Thị	Phương	12/08/1995	TP. HCM	
837	Trần Uyển	Phương	19/11/1973	TP. HCM	
838	Nguyễn Thanh	Phương	09/02/1994	TP. HCM	
839	Đinh Thanh	Phương	12/12/1994	TP. HCM	
840	Nguyễn Duy	Phương	03/05/1985	TP. HCM	
841	Nguyễn Trần	Phương	28/10/1996	TP. HCM	
842	Lê Thị Thu	Phương	10/10/1995	TP. HCM	
843	Nguyễn Thị Thanh	Phương	03/07/1994	TP. HCM	
844	Đào Thị Mai	Phương	01/10/1990	TP. HCM	
845	Nguyễn Thị Kiều	Phương	06/02/1991	Cần Thơ	
846	Đặng Thị Bích	Phương	30/01/1977	Tp.HCM	
847	Trần Thị Như	Phương	22/04/1963	Tp.HCM	
848	Nguyễn Thị Thu	Phương	01/05/1980	Tp.Hà Nội	
849	Vi Thị	Phường	28/11/1995	Đồng Nai	
850	Nguyễn Trần Bích	Phượng	09/05/1996	Đồng Nai	
851	Bùi Nguyễn Như	Phượng	16/07/1994	Đà Nẵng	
852	Võ Thị Mỹ	Phượng	01/01/1990	TP. HCM	
853	Nguyễn Thị Kim	Phượng	28/11/1964	Tiền Giang	
854	Lương Mỹ	Phượng	23/10/1996	TP. HCM	
855	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	18/11/1995	TP. HCM	
856	Nguyễn Phương	Quang	21/08/1996	TP. HCM	
857	Trương Hồng	Quang	24/11/1979	Lâm Đồng	
858	Trần Vũ	Quang	11/01/1994	Tp.HCM	
859	Huỳnh Nhật	Quang	24/01/1995	Bình Phước	
860	Vũ Minh	Quang	06/07/1995	TP. HCM	
861	Dương Minh	Quang	23/08/1979	TP. HCM	
862	Vòng A	Quang	20/07/1965	TP. HCM	
863	Lê Trần	Quang	01/01/1994	TP. HCM	
864	Nguyễn Hồng	Quân	25/10/1991	TP. HCM	

SU
G
J
IỐC
W

Ug

865	Tường Duy	Quân	14/11/1979	BR - VT	
866	Võ Hoàng	Quân	23/02/1994	Đà Nẵng	
867	Nguyễn Hùng	Quân	10/01/1996	TP. HCM	
868	Đỗ Lệnh	Quân	30/03/1975	TP. HCM	
869	Tạ Nguyệt	Quế	16/09/1995	Bạc Liêu	
870	Trần Văn	Quý	29/11/1981	Tiền Giang	
871	Nguyễn Vĩnh	Quốc	14/02/1975	TP. HCM	
872	Đinh Xuân	Quý	15/11/1993	Tp.HCM	
873	Võ Thụy Tam	Quy	08/11/1976	TP. HCM	
874	Lương Hoàng	Quý	26/09/1995	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 21 (Tên phòng B.2.6) - Từ SBD 875 đến 910

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
875	Hàn Trần Ngọc	Quý	10/05/1966	TP. HCM	
876	Nguyễn Ngọc	Quyên	20/08/1985	TP. HCM	
877	Hồ Thị Tố	Quyên	18/07/1996	TP. HCM	
878	Bùi Thị Kim	Quyên	09/10/1996	TP. HCM	
879	Long Thị Thúy	Quyên	27/09/1977	TP. HCM	
880	Phan Thị Hạnh	Quyên	03/08/1995	TP. HCM	
881	Phan Huy	Quyên	09/10/1989	TP. HCM	
882	Phạm Đình	Quyên	05/10/1995	TP. HCM	
883	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	02/06/1987	Bến Tre	
884	Trần Minh	Quyết	16/01/1992	TP. HCM	
885	Ngô Hữu	Quyết	21/03/1995	TP. HCM	
886	Đoàn Thị	Quỳnh	07/02/1996	Bình Dương	
887	Dương Trúc	Quỳnh	30/07/1996	TP. HCM	
888	Nguyễn Thúy	Quỳnh	16/09/1984	An Giang	
889	Phạm Như	Quỳnh	03/11/1984	Đồng Tháp	
890	Tạ Thị Như	Quỳnh	24/11/1992	TP. HCM	
891	Nguyễn Như	Quỳnh	12/11/1995	TP. HCM	
892	Nguyễn Phùng Hương	Quỳnh	09/11/1994	TP. HCM	
893	Trần Thị	Quỳnh	15/10/1996	TP. HCM	

894	Vũ Mai Cẩm	Quỳnh	02/02/1994	TP. HCM	
895	Nguyễn Thị Diệu	Quỳnh	10/01/1996	TP. HCM	
896	Nguyễn Thị	Quỳnh	16/06/1995	TP. HCM	
897	Tạ Nguyễn Như	Quỳnh	26/09/1996	TP. HCM	
898	Võ Ngọc	Rin	12/02/1995	Bình Dương	
899	Võ Trần Hoàng	Sa	02/05/1995	TP. HCM	
900	Nguyễn Hoàng	Sang	12/03/1993	Tp.HCM	
901	Nguyễn Văn	Sang	21/09/1992	TP. HCM	
902	Vũ Thị	Sao	28/09/1992	TP. HCM	
903	Đặng Thanh	Sâm	06/08/1985	TP. HCM	
904	Huỳnh Trí	Sĩ	30/10/1962	Cần Thơ	
905	Phạm Tiến	Sĩ	26/10/1984	TP. HCM	
906	Nguyễn Ngọc	Sĩ	09/01/1993	Tp.HCM	
907	Trần Thanh	Sĩ	25/05/1984	Tp.HCM	
908	Nguyễn Thị	Sinh	20/06/1994	Tp.Hà Nội	
909	Nguyễn Thị Kim	Sinh	24/04/1995	TP. HCM	
910	Nguyễn Thị Kim	Soàn	12/01/1987	Kiên Giang	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 22 (Tên phòng B.2.1) - Từ SBD 911 đến 960

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
911	Nguyễn Văn Quốc	Sol	01/01/1993	Cần Thơ	
912	Nguyễn Hữu	Sông	16/06/1992	Tp.HCM	
913	Phan Lâm	Sơn	19/10/1990	Bình Định	
914	Phạm Hồng	Sơn	03/11/1995	TP. HCM	
915	Đỗ Bảo	Sơn	18/02/1994	TP. HCM	
916	Đặng Hồng	Sơn	21/04/1963	Đồng Nai	
917	Nguyễn Thành	Sơn	05/12/1965	Quảng Ngãi	
918	Nguyễn Giang	Sơn	05/08/1993	Tp.HCM	
919	Phạm Thái	Sơn	01/07/1992	TP. HCM	
920	Nguyễn Thanh	Sơn	16/08/1983	TP. HCM	
921	Nguyễn Hải	Sơn	02/08/1995	TP. HCM	
922	Đoàn Võ	Sơn	05/12/1992	TP. HCM	

923	Nguyễn Thị	Sương	26/06/1996	Đà Nẵng	
924	Nguyễn Thị	Sương	18/09/1997	Đà Nẵng	
925	Đoàn Thị Thu	Sương	17/06/1994	TP. HCM	
926	Phạm Bùi Diễm	Sương	22/11/1995	TP. HCM	
927	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	01/06/1968	TP. HCM	
928	Ngô Tiến	Sỹ	23/06/1996	Gia Lai	
929	Bùi Công	Tài	28/06/1995	BR - VT	
930	Trần Thanh	Tài	15/09/1995	Tiền Giang	
931	Huỳnh Đức	Tài	15/03/1994	Trà Vinh	
932	Nguyễn Văn	Tài	20/10/1994	TP. HCM	
933	Đặng Quốc	Tài	01/07/1992	TP. HCM	
934	Nguyễn Đức	Tài	16/07/1994	TP. HCM	
935	Trần Tiến	Tài	30/10/1996	TP. HCM	
936	Nguyễn Thành	Tạo	21/12/1995	TP. HCM	
937	Từ Thiện	Tâm	20/10/1988	Bình Dương	
938	Hoàng Thị	Tâm	07/10/1969	Đắk Lắk	
939	Nguyễn Hiếu Hoàng	Tâm	04/09/1990	TP. HCM	
940	Nguyễn Hồng	Tâm	11/05/1974	TP. HCM	
941	Nguyễn Thị	Tâm	20/02/1995	TP. HCM	
942	Hoàng Thị Thanh	Tâm	10/04/1991	Quảng Ngãi	
943	Nguyễn Minh	Tâm	15/09/1969	Vĩnh Long	
944	Nguyễn Hiền Đắc	Tâm	29/06/1990	Tp.HCM	
945	Nguyễn Đặng Hạnh	Tâm	24/09/1990	Tp.HCM	
946	Nguyễn Hữu	Tâm	12/03/1991	Tp.HCM	
947	Phạm Văn	Tâm	10/04/1980	Cà Mau	
948	Trần Công	Tâm	10/02/1960	TP. HCM	
949	Nguyễn Thị Thu	Tâm	17/10/1984	TP. HCM	
950	Trần Khánh	Tâm	03/02/1977	TP. HCM	
951	Nguyễn Thanh	Tâm	11/07/1996	TP. HCM	
952	Đinh Thị Thanh	Tâm	16/07/1996	TP. HCM	
953	Lê Thị	Tâm	02/07/1994	TP. HCM	
954	Nguyễn Thanh	Tân	06/05/1986	Quảng Nam	

955	Nguyễn Văn	Tân	17/12/1997	Trà Vinh	
956	Phan Trường Nhật	Tân	30/06/1995	TP. HCM	
957	Lê Minh	Tân	30/08/1986	TP. HCM	
958	Huỳnh Hữu	Tân	25/10/1987	Bình Định	
959	Thái Văn	Tấn	24/05/1995	TP. HCM	
960	Nguyễn Duy	Tấn	19/09/1988	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 23 (Tên phòng B.2.3) - Từ SBD 961 đến 1.010

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
961	Nguyễn Thị Minh	Tất	10/11/1987	TP. HCM	
962	Châu Đình	Tất	17/06/1994	TP. HCM	
963	Huỳnh Thị Trúc	Tiên	12/02/1990	BR - VT	
964	Đặng Thị Cẩm	Tiên	22/06/1994	Đồng Nai	
965	Võ Thị Thủy	Tiên	05/01/1995	Quảng Ngãi	
966	Trần Thị Thuỷ	Tiên	20/07/1995	TP. HCM	
967	Võ Thị Như	Tiên	29/09/1995	TP. HCM	
968	Lê Thị Cẩm	Tiên	02/02/1994	TP. HCM	
969	Đặng Văn	Tiên	05/10/1980	TP. HCM	
970	Nguyễn Ngọc	Tiên	01/01/1991	TP. HCM	
971	Nguyễn Văn	Tiên	24/01/1996	TP. HCM	
972	Phạm Minh	Tiến	23/09/1995	TP. HCM	
973	Nguyễn Hữu	Tiến	02/07/1979	TP. HCM	
974	Nguyễn Văn	Tiệt	19/05/1960	TP. HCM	
975	Võ Trung	Tín	01/10/1992	TP. HCM	
976	Phạm Văn	Tín	20/10/1985	TP. HCM	
977	Lê Hữu	Tinh	11/11/1984	Bến Tre	
978	Lê Bá	Tinh	06/10/1977	Bình Dương	
979	Trần Ngọc	Toàn	21/05/1986	Đồng Nai	
980	Mai Phước	Toàn	19/10/1991	TP. HCM	
981	Trần Thị	Toàn	13/07/1994	TP. HCM	
982	Nguyễn Như	Toàn	23/08/1995	TP. HCM	
983	Nguyễn Huy	Toàn	24/12/1995	TP. HCM	

984	Đào Thị Mỹ	Toàn	14/04/1983	TP. HCM	
985	Trần Khánh	Toàn	01/12/1996	TP. HCM	
986	Đinh Minh	Tông	20/08/1968	Đồng Nai	
987	Hoàng Anh	Tú	14/02/1989	Kiên Giang	
988	Nguyễn Anh	Tú	09/04/1977	Lâm Đồng	
989	Phan Thị Cẩm	Tú	30/11/1997	Trà Vinh	
990	Huỳnh Anh	Tú	31/05/1992	TP. HCM	
991	Nguyễn Anh	Tú	10/06/1996	TP. HCM	
992	Ngô Hưng Lê Nguyên	Tuân	27/07/1974	TP. HCM	
993	Đào Văn	Tuân	12/08/1990	TP. HCM	
994	Lê Văn	Tuân	15/10/1990	TP. HCM	
995	Hoàng Quốc	Tuấn	10/10/1995	Bình Phước	
996	Huỳnh Thanh	Tuấn	07/10/1987	Cần Thơ	
997	Vũ Văn	Tuấn	15/11/1985	Đồng Nai	
998	Lê Văn	Tuấn	25/03/1982	Đồng Nai	
999	Bùi Văn	Tuấn	18/02/1987	Đồng Nai	
1000	Lê Ngọc	Tuấn	25/11/1995	Đồng Nai	
1001	Nguyễn Thanh	Tuấn	13/10/1972	Đồng Nai	
1002	Trương Quang	Tuấn	19/06/1983	Lâm Đồng	
1003	Viên Anh	Tuấn	22/10/1970	Trà Vinh	
1004	Trương Anh	Tuấn	24/03/1983	TP. HCM	
1005	Phan Hoàng Thanh	Tuấn	24/12/1993	TP. HCM	
1006	Ngô Quốc	Tuấn	25/05/1995	TP. HCM	
1007	Phan Tùng Anh	Tuấn	15/04/1996	TP. HCM	
1008	Nguyễn Hồ Minh	Tuấn	14/08/1994	TP. HCM	
1009	Võ Quang	Tuấn	16/03/1991	TP. HCM	
1010	Nguyễn Quang	Tuấn	10/07/1995	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 24 (Tên phòng B.3.2) - Từ SBD 1.011 đến 1.046

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
1011	Nguyễn Thanh	Tuấn	20/10/1984	Tp.Hà Nội	
1012	Hoàng Anh	Tuấn	26/01/1975	TP. HCM	
1013	Nguyễn Thanh	Tuấn	27/12/1984	TP. HCM	

Ug2

1014	Trương Anh	Tuấn	06/11/1992	TP. HCM	
1015	Trần Quốc	Tuấn	12/12/1968	TP. HCM	
1016	Trần Văn	Tuấn	02/09/1975	TP. HCM	
1017	Phạm Việt	Tuấn	14/07/1993	TP. HCM	
1018	Lê Văn	Tuấn	18/12/1992	TP. HCM	
1019	Trương Lê Quang	Tuấn	06/09/1995	TP. HCM	
1020	Đinh Anh	Tuấn	06/08/1978	Đà Nẵng	
1021	Nguyễn Văn	Túc	02/02/1964	Đắk Lắk	
1022	Nguyễn Tài	Tuệ	18/04/1994	TP. HCM	
1023	Lâm Thanh	Tùng	04/02/1978	Đồng Nai	
1024	Nguyễn Thanh	Tùng	12/01/1979	Đồng Nai	
1025	Hoàng	Tùng	11/12/1996	TP. HCM	
1026	Phạm Duy	Tùng	14/04/1995	TP. HCM	
1027	Sơn Thị Nguyệt	Tùng	08/03/1993	TP. HCM	
1028	Đỗ Đỗ	Tuyên	10/11/1965	TP. HCM	
1029	Dương Tâm Anh	Tuyên	05/07/1995	TP. HCM	
1030	Bùi Thị Bích	Tuyên	01/06/1993	TP. HCM	
1031	Đinh Diệp	Tuyên	26/09/1991	TP. HCM	
1032	Trần Thị Thanh	Tuyên	28/08/1996	TP. HCM	
1033	Đặng Ngọc	Tuyên	03/05/1996	TP. HCM	
1034	Trần Thị Bích	Tuyên	30/07/1995	TP. HCM	
1035	Trương Võ Kim	Tuyên	21/07/1978	TP. HCM	
1036	Lê Thị Ngọc	Tuyên	20/03/1994	TP. HCM	
1037	Trần Ánh	Tuyết	02/09/1996	Bình Dương	
1038	Đinh Thị	Tuyết	10/08/1993	TP. HCM	
1039	Cai Thị Ánh	Tuyết	10/01/1995	TP. HCM	
1040	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	29/06/1995	Tp.HCM	
1041	Huỳnh Thị Kim	Tuyết	24/05/1994	TP. HCM	
1042	Nguyễn Lê Thanh	Tuyết	08/09/1994	TP. HCM	
1043	Hoàng Văn	Tư	07/05/1996	Bình Phước	
1044	Nguyễn Quang	Tứ	10/10/1994	TP. HCM	
1045	Lê Đình	Tự	27/01/1994	TP. HCM	
1046	Nguyễn Vĩnh	Tường	02/06/1990	Kiên Giang	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 25 (Tên phòng B.3.4) - Từ SBD 1.047 đến 1.082

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
1047	Nguyễn Lê Đoàn	Tự	08/09/1978	TP. HCM	
1048	Nguy Cơ	Thạch	15/07/1994	Cần Thơ	
1049	Phạm Cơ	Thạch	01/09/1993	TP. HCM	
1050	Lê Ngọc	Thái	31/07/1979	Đồng Nai	
1051	Nguyễn Như	Thái	07/08/1993	Đồng Nai	
1052	Vũ Văn	Thái	21/11/1958	Tp.HCM	
1053	Lê Xuân	Thái	06/07/1992	Tp.HCM	
1054	Nguyễn Hữu	Thái	02/01/1982	TP. HCM	
1055	Nguyễn Quang	Thái	24/02/1997	TP. HCM	
1056	Nguyễn Xuân	Thanh	25/07/1973	Đồng Nai	
1057	Huỳnh Phước	Thanh	10/10/1986	Vĩnh Long	
1058	Đinh Nhựt	Thanh	02/02/1990	TP. HCM	
1059	Phạm Điền	Thanh	24/03/1990	TP. HCM	
1060	Nguyễn Thị Lan	Thanh	19/05/1995	TP. HCM	
1061	Đào Minh	Thanh	14/06/1992	TP. HCM	
1062	Trần Đức	Thanh	16/03/1969	TP. HCM	
1063	Ngô Viết Ngọc	Thanh	14/10/1975	TP. HCM	
1064	Đoàn Lê Thanh	Thanh	31/03/1994	TP. HCM	
1065	Đào Thiên	Thanh	01/01/1985	TP. HCM	
1066	Nguyễn Trí	Thanh	29/04/1984	TP. HCM	
1067	Nguyễn Thị Phương	Thanh	12/08/1983	TP. HCM	
1068	Phạm Nguyễn Phương	Thanh	29/01/1995	TP. HCM	
1069	Trần Thị Trúc	Thanh	24/08/1983	TP. HCM	
1070	Trần Ngọc	Thanh	31/07/1995	TP. HCM	
1071	Phạm Châu	Thanh	11/05/1995	TP. HCM	
1072	Đỗ Nguyễn Thanh	Thanh	04/12/1993	TP. HCM	
1073	Lương Văn	Thanh	21/02/1973	Tp.HCM	
1074	Nguyễn Xuân	Thanh	16/12/1979	Tp.HCM	
1075	Lê Tuấn	Thành	05/05/1994	Bình Dương	



1076	Trần Văn	Thành	07/08/1989	Ninh Thuận	
1077	Nguyễn Trung	Thành	24/01/1994	TP. HCM	
1078	Cao Duy	Thành	10/04/1993	TP. HCM	
1079	Lê Bá Khánh	Thành	15/11/1993	TP. HCM	
1080	Vũ Văn	Thành	21/04/1984	Tp.HCM	
1081	Dương Nguyễn Trí	Thành	30/06/1995	TP. HCM	
1082	Nguyễn Phú	Thành	21/11/1990	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 26 (Tên phòng B.3.6) - Từ SBD 1.083 đến 1.118

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
1083	Từ Vinh	Thành	05/09/1987	TP. HCM	
1084	Trần Văn	Thành	17/05/1986	TP. HCM	
1085	Đậu Thị	Thao	12/10/1983	TP. HCM	
1086	Nguyễn Văn	Thảo	02/04/1972	Cần Thơ	
1087	Phan Phương	Thảo	14/07/1986	Cần Thơ	
1088	Trần Thị Thu	Thảo	14/07/1995	Gia Lai	
1089	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/09/1996	Đà Nẵng	
1090	Phạm Phương	Thảo	13/09/1993	TP. HCM	
1091	Trần Thị Phương	Thảo	10/08/1995	TP. HCM	
1092	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	07/09/1993	TP. HCM	
1093	Nguyễn Thị Thu	Thảo	26/06/1994	TP. HCM	
1094	Trần Thị	Thảo	30/12/1995	TP. HCM	
1095	Võ Thị Thu	Thảo	12/10/1996	TP. HCM	
1096	Nguyễn Phương	Thảo	16/08/1997	TP. HCM	
1097	Dương Thị	Thảo	17/09/1994	TP. HCM	
1098	Trần Thị Thu	Thảo	20/07/1996	TP. HCM	
1099	Lê Thị Thanh	Thảo	10/08/1990	TP. HCM	
1100	Đặng Phương	Thảo	22/01/1996	TP. HCM	
1101	Nguyễn Phương	Thảo	19/06/1992	TP. HCM	
1102	Phạm Thị Thanh	Thảo	15/08/1990	TP. HCM	
1103	Kiều Trần Phương	Thảo	26/11/1995	TP. HCM	
1104	Nguyễn Nhật	Thảo	11/12/1995	Tp.HCM	

1105	Võ Đăng Phương	Thảo	07/03/1993	Tp.HCM	
1106	Hồ Thanh	Thảo	01/02/1992	Tp.HCM	
1107	Lê Thị Thanh	Thảo	06/09/1997	TP. HCM	
1108	Hà Thị Phương	Thảo	25/12/1994	TP. HCM	
1109	Nguyễn Thanh	Thảo	13/12/1984	TP. HCM	
1110	Đào Thị Phương	Thảo	13/09/1995	TP. HCM	
1111	Nguyễn Thu	Thảo	13/03/1992	TP. HCM	
1112	Hạ Thị Thu	Thảo	23/06/1995	TP. HCM	
1113	Lê Nguyễn Miên	Thảo	06/11/1996	TP. HCM	
1114	Phan Thu	Thảo	10/06/1996	TP. HCM	
1115	Bùi Thị	Thảo	10/10/1990	TP. HCM	
1116	Trần Thị Thanh	Thảo	10/08/1993	TP. HCM	
1117	Đặng Thị Thu	Thảo	12/10/1995	TP. HCM	
1118	Trần Thị Phương	Thảo	04/02/1995	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 27 (Tên phòng B.3.1) - Từ SBD 1119 đến 1168

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
1119	Nguyễn Mạnh	Thảo	05/05/1975	TP. HCM	
1120	Nguyễn Thị	Thắm	17/11/1996	TP. HCM	
1121	Trần Văn	Thăng	10/07/1986	Tp.HCM	
1122	Huỳnh Đức	Thắng	18/03/1986	TP. HCM	
1123	Huỳnh Việt	Thắng	04/07/1973	TP. HCM	
1124	Nguyễn Văn	Thắm	05/11/1959	Long An	
1125	Trần Hữu	Thế	09/09/1991	TP. HCM	
1126	Phạm Thị Công Anh	Thị	12/03/1995	Kom Tum	
1127	Trần Quang	Thị	07/05/1977	Phú Yên	
1128	Trần Văn	Thị	17/05/1983	TP. HCM	
1129	Nguyễn Ngọc	Thị	14/11/1992	TP. HCM	
1130	Bùi Thị	Thị	20/07/1981	Kiên Giang	
1131	Nguyễn Minh	Thị	01/08/1996	TP. HCM	
1132	Bùi Lê An	Thị	30/03/1983	TP. HCM	
1133	Đặng Thị Thu	Thị	01/02/1995	TP. HCM	

1134	Tổng Đắc Nhân	Thiện	30/01/1967	TP. HCM	
1135	Nguyễn Hưng	Thịnh	04/07/1980	Đồng Nai	
1136	Nguyễn Quốc	Thịnh	05/01/1995	Tp.HCM	
1137	Phạm Văn	Thịnh	02/12/1967	Tp.HCM	
1138	Nguyễn Phùng	Thọ	05/01/1996	TP. HCM	
1139	Lê Đức	Thọ	04/07/1992	Gia Lai	
1140	Nguyễn Trường	Thọ	12/05/1995	TP. HCM	
1141	Huỳnh Thị Kim	Thoa	30/08/1997	TP. HCM	
1142	Dương Thị Hồng	Thoa	18/09/1993	TP. HCM	
1143	Trương Văn	Thoại	05/08/1994	TP. HCM	
1144	Nguyễn Sỹ	Thông	01/04/1994	BR - VT	
1145	Nguyễn Thị	Thơm	20/03/1992	Tp.HCM	
1146	Lê Hiền	Thơm	25/08/1996	TP. HCM	
1147	Dương Cẩm	Thu	05/11/1997	Bình Dương	
1148	Lê Thị Hồng	Thu	30/10/1983	Long An	
1149	Lâm Thị Cẩm	Thu	01/01/1994	TP. HCM	
1150	Phạm Ngọc	Thuận	14/04/1994	Đồng Nai	
1151	Trần Thị Hồng	Thuận	26/12/1995	TP. HCM	
1152	Nguyễn Văn	Thuận	24/07/1985	Quảng Ngãi	
1153	Nguyễn Văn	Thuận	15/09/1966	Tp.HCM	
1154	Trần Thị	Thuận	28/09/1993	TP. HCM	
1155	Nguyễn Minh	Thuận	03/03/1994	TP. HCM	
1156	Võ Thị Trúc	Thùy	02/11/1996	TP. HCM	
1157	Trần Thị	Thùy	19/08/1986	Tp.HCM	
1158	Lê Ngọc	Thùy	31/07/1982	Tp.HCM	
1159	Đặng Thị	Thùy	20/06/1987	Đà Nẵng	
1160	Đinh Thị Hải	Thùy	15/10/1993	TP. HCM	
1161	Dương Thị	Thùy	10/12/1995	TP. HCM	
1162	Hồ Thị Xuân	Thủy	11/03/1996	TP. HCM	
1163	Huỳnh Thị Bích	Thủy	29/11/1976	TP. HCM	
1164	Lê Thị	Thủy	12/12/1995	TP. HCM	
1165	Trương Thị Bích	Thủy	15/10/1995	Tp.HCM	

1166	Đinh Thị Thanh	Thủy	10/10/1979	Bình Dương	
1167	Trương Bích	Thủy	20/01/1994	Bình Thuận	
1168	Vũ Thị Chung	Thủy	22/05/1984	Đồng Nai	
DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 28 (Tên phòng B.3.3) - Từ SBD 1169 đến 1218					
Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
1169	Nguyễn Thanh	Thủy	03/05/1973	Long An	
1170	Đào Thị Thanh	Thủy	11/06/1997	TP. HCM	
1171	Hà Thị Thu	Thủy	11/07/1977	TP. HCM	
1172	Huỳnh Thị Ngọc	Thủy	08/04/1993	TP. HCM	
1173	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	16/06/1995	TP. HCM	
1174	Phạm Ngọc	Thủy	01/07/1980	TP. HCM	
1175	Đào Thị Thu	Thủy	01/07/1995	TP. HCM	
1176	Lê Thị Thu	Thủy	13/07/1979	Cần Thơ	
1177	Huỳnh Thị Thu	Thủy	01/11/1988	Quảng Nam	
1178	Hoàng Thị Hồng	Thúy	22/07/1995	TP. HCM	
1179	Trần Thị Thanh	Thúy	20/04/1986	Bến Tre	
1180	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	26/04/1995	TP. HCM	
1181	Trương Thị Thanh	Thúy	10/11/1995	TP. HCM	
1182	Nguyễn Thanh	Thúy	29/08/1996	TP. HCM	
1183	Ngô Thị Thanh	Thúy	19/05/1995	TP. HCM	
1184	Phan Thị Cẩm	Thuyên	25/02/1988	TP. HCM	
1185	Hồ Như	Thuyết	18/11/1993	Đà Nẵng	
1186	Nguyễn Tài Minh	Thư	20/08/1991	Đồng Nai	
1187	Trần Anh	Thư	04/06/1997	Trà Vinh	
1188	Nguyễn Ngọc	Thư	07/11/1995	TP. HCM	
1189	Nguyễn Đức	Thư	18/04/1984	TP. HCM	
1190	Trương Đoàn Ngọc	Thư	01/05/1993	TP. HCM	
1191	Ngô Quỳnh Anh	Thư	21/04/1996	TP. HCM	
1192	Đinh Tuyết Anh	Thư	10/03/1994	TP. HCM	
1193	Lê Thị Anh	Thư	24/06/1996	TP. HCM	
1194	Nguyễn Lê Hồng Thiên	Thư	20/08/1994	TP. HCM	

1195	Võ Anh	Thư	09/03/1996	TP. HCM	
1196	Lê Minh	Thừa	28/10/1993	Tây Ninh	
1197	Nguyễn Chí	Thức	15/04/1995	Tiền Giang	
1198	Phạm Lê Minh	Thức	21/10/1979	TP. HCM	
1199	Nguyễn Văn	Thước	12/07/1990	Khánh Hòa	
1200	Nguyễn Thị	Thương	11/03/1994	Đắk Nông	
1201	Trần Thị	Thương	15/09/1995	Đồng Nai	
1202	Nguyễn Minh	Thương	13/08/1995	Tây Ninh	
1203	Đặng Thị	Thương	23/02/1995	TP. HCM	
1204	Hà Thị Bé	Thương	01/05/1996	TP. HCM	
1205	Hoàng Thị Hoài	Thương	19/07/1995	TP. HCM	
1206	Nguyễn Thị Hoài	Thương	27/06/1994	TP. HCM	
1207	Nguyễn Trần Hoài	Thương	08/03/1997	TP. HCM	
1208	Nguyễn Mậu	Thương	10/08/1996	TP. HCM	
1209	Trần Thị Mỹ	Thương	13/02/1996	TP. HCM	
1210	Tạ Thị	Thương	10/11/1986	Bình Phước	
1211	Nguyễn Văn	Thường	29/05/1992	Tây Ninh	
1212	Phạm Văn	Thượng	20/10/1973	Tp.HCM	
1213	Nguyễn Hồng Cẩm	Thy	02/01/1994	Bến Tre	
1214	Đào Mai	Thy	13/07/1996	TP. HCM	
1215	Nguyễn Thị Thanh	Trà	14/01/1971	Đồng Nai	
1216	Lê Lê Thanh	Trà	20/11/1995	TP. HCM	
1217	Nguyễn Thị	Trang	16/10/1986	BR - VT	
1218	Tổng Thị Thuỳ	Trang	04/07/1994	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 29 (Tên phòng B.4.1) - Từ SBD 1219 đến 1268

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
1219	Huỳnh Thảo	Trang	04/09/1995	TP. HCM	
1220	Trần Thị Huyền	Trang	09/10/1993	TP. HCM	
1221	Vũ Thị Huyền	Trang	11/02/1993	TP. HCM	
1222	Nguyễn Lê Yến	Trang	21/10/1992	TP. HCM	
1223	Lê Minh Thuỳ	Trang	12/11/1996	TP. HCM	

1224	Lê Thị	Trang	19/11/1994	TP. HCM	
1225	Trần Thị Huyền	Trang	10/02/1994	Bình Thuận	
1226	Lê Thị Thùy	Trang	30/06/1996	Tiền Giang	
1227	Lê Ngọc Bảo	Trang	06/10/1995	Tp.HCM	
1228	Nguyễn Minh	Trang	05/05/1988	Tp.HCM	
1229	Trịnh Thị Minh	Trang	26/01/1990	Tp.HCM	
1230	Võ Thị Xuân	Trang	01/01/1984	Tp.HCM	
1231	Lê Thị	Trang	13/08/1992	TP. HCM	
1232	Bùi Thị	Trang	09/07/1995	TP. HCM	
1233	Nguyễn Thị Thùy	Trang	01/03/1983	TP. HCM	
1234	Ngô Thị Thanh	Trang	24/07/1993	TP. HCM	
1235	Vũ Thị	Trang	05/09/1996	TP. HCM	
1236	Nguyễn Thị Minh	Trang	26/11/1995	TP. HCM	
1237	Nguyễn Thị Thùy	Trang	07/08/1989	TP. HCM	
1238	Nguyễn Phước Anh	Trâm	15/04/1993	TP. HCM	
1239	Châu Nguyễn Huyền	Trâm	13/05/1990	TP. HCM	
1240	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	10/10/1976	TP. HCM	
1241	Trần Thị Quỳnh	Trâm	04/10/1996	TP. HCM	
1242	Đinh Bảo	Trâm	29/11/1994	TP. HCM	
1243	Võ Phạm Bảo	Trâm	13/08/1996	TP. HCM	
1244	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	16/05/1990	TP. HCM	
1245	Lê Thị Huyền	Trân	09/04/1997	Trà Vinh	
1246	Phan Ngọc Huyền	Trân	1996	TP. HCM	
1247	Phạm Thị Quế	Trân	06/09/1995	TP. HCM	
1248	Hồ Thị Lệ	Trân	06/11/1996	TP. HCM	
1249	Mai	Trần	21/02/1993	TP. HCM	
1250	Phạm Lê Minh	Trí	08/05/1978	TP. HCM	
1251	Nguyễn Minh	Trí	19/07/1993	TP. HCM	
1252	Đặng Minh	Trí	28/02/1990	TP. HCM	
1253	Phạm Lâm	Triều	19/05/1984	TP. HCM	
1254	Lê Đông	Triều	24/04/1958	TP. HCM	
1255	Nguyễn Phạm Tú	Trinh	20/10/1994	Đồng Nai	

1256	Tài Thị Nguyệt	Trinh	17/07/1994	TP. HCM	
1257	Lê Hoàng	Trinh	16/03/1995	TP. HCM	
1258	Sâm Việt	Trinh	29/03/1995	TP. HCM	
1259	Nguyễn Xuân Ánh	Trinh	24/06/1994	TP. HCM	
1260	Nguyễn Thị Phương	Trinh	14/08/1996	TP. HCM	
1261	Lai Tú	Trinh	02/09/1992	TP. HCM	
1262	Tạ Hồng	Trinh	02/02/1994	TP. HCM	
1263	Nguyễn Quốc	Trọng	22/10/1984	TP. HCM	
1264	Bùi Minh	Trọng	20/07/1988	TP. HCM	
1265	Đặng Hoàng	Trong	26/10/1980	TP. HCM	
1266	Châu Thị Thanh	Trúc	30/08/1994	TP. HCM	
1267	Trần Lê Minh	Trúc	18/01/1996	TP. HCM	
1268	Nguyễn Tâm	Trúc	07/08/1996	TP. HCM	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 30 (Tên phòng B.4.3) - Từ SBD 1269 đến 1321

Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
1269	Phan Nhứt Thương	Trúc	15/08/1978	Tp.HCM	
1270	Lê Minh Thanh	Trúc	20/03/1995	TP. HCM	
1271	Tạ Mỹ Anh	Trúc	27/01/1995	TP. HCM	
1272	Nguyễn Thanh	Trúc	13/11/1996	TP. HCM	
1273	Lê Quang	Trung	15/05/1970	Gia Lai	
1274	Nguyễn Văn	Trung	31/01/1961	Long An	
1275	Nguyễn Quang	Trung	19/08/1992	Trà Vinh	
1276	Nguyễn Thị Minh	Trung	03/12/1993	TP. HCM	
1277	Võ Văn	Trung	11/10/1976	Tp.HCM	
1278	Phạm Thành	Trung	29/05/1981	Tp.HCM	
1279	Cái Nhật	Trung	01/04/1993	TP. HCM	
1280	Phan Thị Thanh	Truyền	10/10/1995	Bình Thuận	
1281	Nguyễn Thanh	Truyền	19/10/1971	TP. HCM	
1282	Cao Minh	Trực	17/06/1991	Tiền Giang	
1283	Phan Thắng	Trực	06/11/1994	TP. HCM	
1284	Phạm Thị Kim	Trương	17/01/1994	TP. HCM	

1285	Nguyễn Duy	Trường	24/11/1991	Đồng Nai	
1286	Trần Đình	Trường	10/02/1995	TP. HCM	
1287	Nguyễn Văn	Út	20/10/1987	Trà Vinh	
1288	Nguyễn Văn	Út	19/10/1983	Kiên Giang	
1289	Trương Nữ Hồng	Uyên	27/11/1979	Bình Dương	
1290	Lê Phượng	Uyên	22/06/1989	Kiên Giang	
1291	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	13/01/1988	TP. HCM	
1292	Đặng Ngọc Hồng	Uyên	12/01/1994	TP. HCM	
1293	Lê Thị Tú	Uyên	12/08/1983	TP. HCM	
1294	Nguyễn Thị Như	Uyên	20/02/1994	TP. HCM	
1295	Lê Thụy Diệu	Uyên	16/07/1979	TP. HCM	
1296	Nguyễn Thị Thu	Uyên	15/07/1996	TP. HCM	
1297	Trần Thanh	Văn	29/07/1995	Cần Thơ	
1298	Phạm Thế	Văn	24/10/1992	TP. HCM	
1299	Lê Đình	Văn	27/04/1995	TP. HCM	
1300	Thái Thanh	Vân	03/05/1977	Đồng Nai	
1301	Trần Thị Thanh	Vân	21/03/1995	Vĩnh Long	
1302	Lê Thị Thúy	Vân	24/10/1996	Đà Nẵng	
1303	Nguyễn Thị Thuý	Vân	10/04/1992	TP. HCM	
1304	Đặng Hoàng	Vân	13/06/1956	TP. HCM	
1305	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	18/11/1984	Cần Thơ	
1306	Cao Tuyết	Vân	16/09/1988	Quảng Ngãi	
1307	Dương Thị Tường	Vân	31/12/1996	TP. HCM	
1308	Bùi Lê Ngọc	Vân	22/01/1996	TP. HCM	
1309	Mông Thị Bích	Vân	03/07/1996	TP. HCM	
1310	Phan Thị	Vân	05/01/1996	TP. HCM	
1311	Diệp Thị Túy	Vân	01/03/1974	TP. HCM	
1312	Dương Thị	Vân	09/03/1995	TP. HCM	
1313	Nguyễn Hoàng	Vện	04/03/1992	Trà Vinh	
1314	Nguyễn Thị Tường	Vi	02/04/1976	TP. HCM	
1315	Nguyễn Hoàng Thuý	Vi	20/08/1988	TP. HCM	
1316	Võ Tường	Vi	22/12/1996	TP. HCM	

1317	Tiêu Thị Tường	Vi	08/08/1994	TP. HCM	
1318	Trần Thị Tường	Vi	04/04/1993	TP. HCM	
1319	Lê Thị Vi	Vi	02/01/1993	TP. HCM	
1320	Bùi Thế	Vĩ	04/03/1996	TP. HCM	
1321	Vũ Cường	Việt	13/08/1992	Gia Lai	
DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 31 (Tên phòng B.4.5) - Từ SBD 1322 đến 1375					
Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Đoàn Luật sư	Ghi chú
1322	Lê Hoàng	Việt	25/11/1995	TP. HCM	
1323	Nguyễn Thị Thu	Việt	17/03/1990	Tp.HCM	
1324	Nguyễn Công	Việt	08/09/1993	TP. HCM	
1325	Nguyễn Quốc	Việt	02/09/1994	TP. HCM	
1326	Tạ Duy	Việt	28/08/1985	TP. HCM	
1327	Nguyễn Thành	Vinh	01/05/1997	Bình Dương	
1328	Đỗ Thành	Vinh	26/02/1985	Bình Dương	
1329	Nguyễn Tấn Phước	Vinh	12/01/1985	Đồng Nai	
1330	Lê Văn	Vinh	23/09/1983	Trà Vinh	
1331	Nguyễn Thành	Vinh	12/08/1994	TP. HCM	
1332	Nguyễn Quang	Vinh	30/08/1984	TP. HCM	
1333	Nguyễn Thế	Vinh	02/12/1985	TP. HCM	
1334	Lê Thị	Vinh	24/09/1994	BR-VT	
1335	Bùi Ánh	Vinh	23/02/1994	Đà Nẵng	
1336	Nguyễn Đức	Vinh	04/08/1977	TP. HCM	
1337	Nguyễn Duy	Vũ	18/10/1974	TP. HCM	
1338	Trần Thiên	Vũ	30/05/1966	Bến Tre	
1339	Hoàng Thanh Hoàn	Vũ	31/05/1976	TP. HCM	
1340	Nguyễn Thị	Vui	24/09/1987	TP. HCM	
1341	Trương Hoài	Vương	15/11/1989	Bình Phước	
1342	Nguyễn Bùi Hưng	Vương	01/03/1985	TP. HCM	
1343	Trương Văn	Vương	03/04/1992	Tp.HCM	
1344	Nại Quốc	Vương	29/10/1994	TP. HCM	
1345	Lê Tường	Vy	23/02/1995	TP. HCM	

1346	Đào Thị Kiều	Vy	08/03/1994	TP. HCM	
1347	Nguyễn Thị Phương	Vy	20/05/1995	TP. HCM	
1348	Võ Thị Tường	Vy	10/06/1996	TP. HCM	
1349	Trần Thế	Vy	29/08/1996	TP. HCM	
1350	Nguyễn Thị Mai	Vy	01/06/1991	TP. HCM	
1351	Nguyễn Thị Hoàng	Vy	18/08/1984	Khánh Hòa	
1352	Đỗ Trần Thảo	Vy	15/07/1994	TP. HCM	
1353	Ngô Thị Phượng	Vy	07/02/1995	TP. HCM	
1354	Nguyễn Thị Thảo	Vy	18/08/1996	TP. HCM	
1355	Trần Thị Thanh	Vy	15/03/1982	TP. HCM	
1356	Phan Võ Khánh	Vy	08/06/1995	TP. HCM	
1357	Vòng Tắc	Xiên	02/12/1981	TP. HCM	
1358	Trương Diễm Quỳnh	Xuân	22/09/1996	TP. HCM	
1359	Hồ Mộng	Xuân	12/02/1978	TP. HCM	
1360	Võ Thị	Xuyến	02/02/1996	TP. HCM	
1361	Đặng Thị	Xuyến	01/03/1970	TP. HCM	
1362	Trần Thị Ngọc Như	Ý	05/10/1992	Vĩnh Long	
1363	Nguyễn Như	Ý	06/07/1996	TP. HCM	
1364	Lê Thị	Yên	24/09/1993	TP. HCM	
1365	Trần Thu	Yên	25/11/1995	Tp.Hà Nội	
1366	Trần Thị Hải	Yến	10/08/1997	Bình Dương	
1367	Dương Thị	Yến	16/03/1995	Vĩnh Long	
1368	Quách Thị Hoàng	Yến	02/05/1992	TP. HCM	
1369	Nguyễn Thị Hải	Yến	27/07/1983	An Giang	
1370	Nguyễn Thị Hải	Yến	16/12/1994	TP. HCM	
1371	Nguyễn Thị	Yến	02/02/1985	TP. HCM	
1372	Đỗ Thị	Yến	09/08/1996	TP. HCM	
1373	Nguyễn Thị Kim	Yến	10/10/1995	TP. HCM	
1374	Trần Thị Hải	Yến	13/04/1995	TP. HCM	
1375	Bùi Lê Hoàng	Yến	02/06/1990	TP. HCM	

Wep